

TẦM NHÌN - SỨ MỆNH

Vinacafé Biên Hòa sở hữu các thương hiệu mạnh và đáp ứng thế giới người tiêu dùng bằng các sản phẩm thực phẩm và đồ uống có chất lượng cao và độc đáo trên cơ sở thấu hiểu nhu cầu người tiêu dùng và tuân thủ các giá trị cốt lõi của công ty.

MỤC TIÊU

Mục tiêu kinh doanh bao trùm của công ty chúng tôi là mang lại lợi nhuận tài chính bền vững và ở mức cao cho các cổ đông. Chúng tôi sẽ đo lường thành quả đạt được bằng cách so sánh với các công ty đồng nghiệp

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

1. Duy trì các sản phẩm cà phê hòa tan là sản phẩm chính.
2. Tìm cách áp dụng một cách nhất quán thông lệ quốc tế vào các vấn đề về quản trị doanh nghiệp.
3. Tiến hành các hoạt động tài chính một cách thận trọng, luôn nhận thức rằng việc quản lý rủi ro hiệu quả, bảo toàn tài sản và duy trì khả năng thanh khoản là thiết yếu cho sự thành công của chúng tôi.
4. Phát triển và tiếp thị các sản phẩm để đáp ứng các nhu cầu của khách hàng, xây dựng danh tiếng của công ty về mức giá cạnh tranh, chất lượng sản phẩm ổn định, dịch vụ khách hàng tốt cùng với việc phát triển sản phẩm và dịch vụ mới.
5. Đầu tư vào con người, phát triển năng lực của nhân viên và tạo cho họ cơ hội được chia sẻ trong sự thịnh vượng chung của doanh nghiệp.
6. Tôn trọng các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm và môi trường.

THÔNG DIỆP

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Vinacafé Biên Hòa là nhà sản xuất cà phê hòa tan đầu tiên và lớn nhất tại Việt Nam, chiếm khoảng 40% thị phần. Danh mục sản phẩm của công ty bao gồm cà phê rang xay, cà phê đen hòa tan, cà phê hòa tan 3 trong 1, cà phê nhân sâm 4 trong 1 và ngũ cốc dinh dưỡng.

Vinacafé Biên Hòa sẽ trở thành 1 trong 10 công ty niêm yết tại sàn giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh hoạt động trong ngành công nghiệp thực phẩm có giá trị vốn hóa lớn nhất Việt Nam vào năm 2015.

Kính thưa: Quý cổ đông

“Năm 2010, Vinacafé B.H tiếp tục khẳng định được sự tăng trưởng tốt trong hoạt động sản xuất và kinh doanh. Với mục tiêu là nhà cung cấp cà phê hòa tan hàng đầu tại Việt Nam, Vinacafé B.H đang đẩy nhanh tiến độ xây dựng thêm nhà máy sản xuất cà phê hòa tan công suất 3.200 tấn/năm để phục vụ cho chiến lược phát triển lâu dài và bền vững của công ty”.

Vinacafé B.H tiếp tục là một trong những công ty chiếm lĩnh thị phần lớn đối với sản phẩm cà phê hòa tan, đặc biệt là cà phê hòa tan 3 trong 1. Doanh thu tiêu thụ sản phẩm đạt 106% so với kế hoạch. So với năm 2009 tốc độ doanh thu tăng trưởng tốt tăng 27,5% làm cho lợi nhuận trong năm đạt 119% so với kế hoạch và tăng 21% so với năm 2009.

Công ty thực hiện chính sách chi trả cổ tức năm sau cao hơn năm trước. Trong năm 2010, công ty thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông là 15% tăng hơn so với năm trước là 11%. Việc chi trả cổ tức cho từng năm dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh thực hiện và kế hoạch đầu tư phát triển của Công ty.

Nhằm gia tăng năng lực sản xuất, tạo tiền đề cho sự phát triển lâu dài và bền vững của Công ty, Vinacafé B.H đang đẩy nhanh tiến độ triển khai xây dựng nhà máy sản xuất cà phê hòa tan mới với công suất 3.200 tấn/năm. Sau khi hoàn thành sẽ góp phần nâng công suất của toàn công ty lên trên 4.400 tấn/năm. Với việc nâng cao năng lực sản xuất kết hợp thế mạnh về thương hiệu, chất lượng sản phẩm, Vinacafé B.H sẽ đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu cà phê hòa tan rất tiềm năng của thị trường trong thời gian tới.

Thay mặt Hội Đồng Quản Trị, tôi muốn gửi lời cảm ơn sâu sắc đến tất cả các Quý khách hàng đã luôn ủng hộ, tin tưởng vào chất lượng sản phẩm của Vinacafé B.H, đến quý cổ đông đã đặt niềm tin vào định hướng phát triển của Công ty. Xin gửi lời cảm ơn vì những nỗ lực tuyệt vời của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc cùng toàn thể Cán bộ Công nhân viên của Vinacafé B.H.

Chúng tôi hy vọng rằng cùng với những thế mạnh về thương hiệu, uy tín, và đặc biệt là chất lượng sản phẩm của mình, Công ty tiếp tục sẽ thực hiện vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra trong năm 2011 và đưa Công ty phát triển bền vững trong tương lai.

Trân trọng.

(đã ký)

ĐỖ VĂN NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

I/ TỔNG QUAN

1. Thông tin chung

Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HOÀ**
Tên tiếng Anh : **VINACAFÉ BIEN HOA JOINT STOCK COMPANY**
Tên viết tắt : **VINACAFÉ B.H**
Trụ sở chính : Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại : +84 - 61 - 3836 554
Fax : +84 - 61 - 3836 108
Website : www.vinacafebienhoa.com
Email : vinacafe@vinacafebienhoa.com

Giấy CNĐKKD & và đăng ký thuế số 3600261626 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 29/12/2004 số 4703000186, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 10/11/2010.

2. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu cà phê, chè, thức uống nhanh và các sản phẩm thực phẩm.

3. Các mốc lịch sử quan trọng

1969 - Nhà máy cà phê CORONEL

Ông Marcel Coronel, quốc tịch Pháp, cùng vợ là bà Trần Thị Khánh khởi công xây dựng Nhà máy Cà phê CORONEL tại Khu Kỹ nghệ Biên Hòa (nay là Khu Công nghiệp Biên Hòa 1), tỉnh Đồng Nai với mục đích giảm thiểu chi phí vận chuyển cà phê về Pháp. Nhà máy Cà phê CORONEL có công suất thiết kế 80 tấn cà phê hòa tan/năm, với toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị được nhập khẩu từ Đức. Nhà máy Cà phê CORONEL tự hào là nhà máy chế biến cà phê hòa tan đầu tiên trong toàn khu vực các nước Đông Dương.

1975 - Nhà máy Cà phê Biên Hòa

Nhà máy Cà phê Coronel được đổi tên thành Nhà máy Cà phê Biên Hòa. Khi Việt Nam thống nhất, gia đình Coronel trở về Pháp. Họ bàn giao Nhà máy cho Chính phủ Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam. Nhà máy Cà phê Coronel được đổi tên thành Nhà máy Cà phê Biên Hòa và được giao cho Tổng cục Công nghệ Thực phẩm quản lý. Tại thời điểm bàn giao, Nhà máy Cà phê Coronel vẫn chưa chạy thử

thành công bởi dù rất đam mê công việc, nhưng vốn là kỹ sư nông nghiệp, ông Marcel Coronel chưa tìm được cách “thuần phục” được hệ thống dây chuyền phức tạp gồm rất nhiều máy móc, thiết bị chế biến cà phê hòa tan.

1977 - Việt Nam sản xuất thành công cà phê hòa tan

Vào đúng dịp kỷ niệm 2 năm ngày Việt Nam thống nhất, mẻ cà phê hòa tan đầu tiên ra lò trước sự vui mừng của toàn thể cán bộ công nhân viên Nhà máy. Trong suốt hai năm trước đó, tập thể các kỹ sư, công nhân đã ngày đêm cùng nhau tìm tòi, nghiên cứu để có thể vận hành thành công nhà máy. Năm 1977 đánh dấu một cột mốc quan trọng của Nhà máy cà phê Biên Hòa và cũng là của ngành cà phê Việt Nam: lần đầu tiên, Việt Nam sản xuất thành công cà phê hòa tan.

Năm 1978 - Cà phê Việt Nam xuất ngoại

Theo Nghị định thư Việt Nam ký kết với các nước trong hệ thống XHCN về hàng đổi hàng, từ 1978, Nhà máy Cà phê Biên Hòa bắt đầu xuất khẩu cà phê hòa tan đến các nước thuộc Liên Xô cũ và Đông Âu.

Năm 1983 - Thương hiệu Vinacafé ra đời

Trong suốt những năm 1980, Nhà máy Cà phê Biên Hòa vừa nghiên cứu cải tiến kỹ thuật để xây dựng quy trình sản xuất chuẩn, vừa sản xuất cà phê hòa tan xuất khẩu theo đơn đặt hàng của nhà nước. Cùng với địa chỉ sản xuất được ghi trên từng bao bì sản phẩm, tên “Vinacafé” bắt đầu xuất hiện ở thị trường Đông Âu bắt đầu từ 1983, đánh dấu thời điểm ra đời của thương hiệu Vinacafé.

Năm 1990 – Vinacafé chính thức trở lại Việt Nam

Vào cuối những năm 1980, các đơn đặt hàng cà phê hòa tan Vinacafé ngày càng giảm, theo cùng với tốc độ diễn biến bất lợi của hệ thống XHCN ở Liên Xô và Đông Âu. Năm 1990, Vinacafé chính thức quay trở lại thị trường Việt Nam dù trước đó một số sản phẩm của Nhà máy Cà phê Biên Hòa đã được tiêu thụ ở thị trường này.

Năm 1993 – Ra đời cà phê hòa tan 3 trong 1

Khi quay lại Việt Nam, các sản phẩm của Nhà máy cà phê Biên Hòa rất khó tìm được chỗ đứng, do trước đó thị trường cà phê Việt Nam đã được định hình bởi thói quen uống cà phê rang xay pha tạp (hệ lụy từ chính sách ngăn sông cấm chợ dẫn đến thiếu hụt cà phê nguyên liệu, người ta phải độn ngô và nhiều phụ gia khác vào cà phê).

Cùng với những bước chập chững của Vinacafé, người Việt cũng lần đầu tiên đến với cà phê hòa tan. Cà phê hòa tan 3 trong 1 Vinacafé ra đời đã được thị trường

đón nhận nhanh chóng. Giải pháp đưa đường và bột kem vào cà phê đóng sẵn từng gói nhỏ đã giúp người Việt Nam lần đầu tiên được thỏa mãn thói quen uống cà phê với sữa mà không phải chờ cà phê nhỏ giọt qua phin. Cà phê hòa tan 3 trong 1 thành công nhanh đến mức thương hiệu Vinacafé ngay lập tức được Nhà máy Cà phê Biên Hòa đăng ký sở hữu trí tuệ tại Việt Nam và nhiều quốc gia trên thế giới.

Năm 1998 – Nhà máy thứ hai

Năm 1998 đánh dấu một cột mốc quan trọng về sự lớn mạnh vượt bậc. Nhà máy chế biến cà phê hòa tan thứ hai được khởi công xây dựng ngay trong khuôn viên của nhà máy cũ. Nhà máy này có công suất thiết kế 800 tấn cà phê hòa tan/năm, lớn gấp 10 lần nhà máy cũ. Chỉ sau đó 2 năm, nhà máy mới đã chính thức được đưa vào vận hành để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường nội địa và xuất khẩu.

Năm 2004 – Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Ngày 29 tháng 12 năm 2004, Nhà máy cà phê Biên Hòa chuyển đổi loại hình doanh nghiệp - từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần.

Yêu quý đưa con tinh thần, cộng với sự nổi tiếng của thương hiệu Vinacafé, các cổ đông sáng lập (hầu hết là người của Nhà máy Cà phê Biên Hòa) đã đặt tên mới cho công ty là: Công ty Cổ phần VINACAFÉ BIÊN HÒA (Vinacafé BH). Đây cũng là thời điểm mở ra một chương mới cho lịch sử Công ty khi mà nó hoạch định lại chiến lược phát triển, viết lại sứ mệnh, tầm nhìn mới và xác định những giá trị cốt lõi của mình, trong bối cảnh Việt Nam hội nhập kinh tế Quốc tế.

Năm 2010 - Khởi công nhà máy thứ 3 tại Long Thành, Đồng Nai

Nhà máy thứ 3 có công suất 3.200 tấn cà phê hòa tan nguyên chất/năm, lớn gấp bốn lần nhà máy thứ hai và lớn gấp 40 lần nhà máy thứ nhất của Vinacafé Biên Hòa và công nghệ tiên tiến nhất thế giới tính đến năm 2010. Khi nhà máy đi vào hoạt động, mỗi giờ Việt Nam sẽ có thêm nửa tấn cà phê hòa tan đưa vào thị trường quốc tế. Điều này góp phần đẩy mạnh thương hiệu cà phê Việt Nam ra thị trường Quốc tế.

Năm 2011 - Niêm yết tại HoSE

Được sự chấp thuận của UBCK Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HoSE), 08h00 thứ 6 ngày 28/01/2011 Công ty cổ phần Vinacafé Biên Hòa nhận Quyết định niêm yết tại HoSE với mã chứng khoán VCF và đây cũng là ngày giao dịch chính thức cổ phiếu của VCF tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HoSE).

4. Định hướng phát triển

Công ty đã hoạch định lại chiến lược phát triển 10 năm từ năm 2004 đến 2014, với các mục tiêu chủ yếu là:

Về sản xuất:

- Tạo ra các sản phẩm có hàm lượng giá trị gia tăng cao, có năng lực cạnh tranh ở thị trường nước ngoài.
- Phát huy tối đa thế mạnh về công nghệ hiện đại, kinh nghiệm sản xuất lâu năm để đẩy mạnh sản xuất cà phê hòa tan.
- Tập trung vào hàng có nhãn hiệu.
- Công nghệ sản xuất không ảnh hưởng đến môi trường.

Về marketing:

- Thương hiệu số 1 và có thị phần lớn nhất tại Việt Nam về cà phê hòa tan.
- Xuất khẩu thành công các sản phẩm mang thương hiệu Vinacafé
- Kênh phân phối hiệu quả cả trong và ngoài nước.
- Hiểu rõ thị trường và người tiêu dùng bằng nghiên cứu có hệ thống

Về quản trị và tổ chức:

- Đạt tới trình độ quản trị tiên tiến theo các thông lệ quản trị doanh nghiệp tốt nhất, đồng thời phù hợp với Luật doanh nghiệp
- Thu hút tốt nguồn vốn từ bên ngoài
- An toàn và hiệu quả trong đầu tư tài chính

Về nguồn nhân lực:

- Có nguồn nhân lực đủ và mạnh
- Tạo động lực phấn đấu và phát triển cho nhân viên

Sứ mệnh của Vinacafé Biên Hòa: trở thành một công ty sở hữu các thương hiệu mạnh và đáp ứng thế giới người tiêu dùng bằng các sản phẩm thực phẩm và đồ uống có chất lượng cao và độc đáo trên cơ sở thấu hiểu nhu cầu của họ và tuân thủ các giá trị cốt lõi của công ty. Công ty sẽ thực hiện sứ mệnh trên dựa vào: (1) hiểu rõ nhu cầu của người tiêu dùng để đáp ứng và đáp ứng như cầu đó bằng sự tôn trọng thật sự; (2) Tôn trọng quyền lợi của các cổ đông, coi đó cũng là quyền lợi

của công ty. (3) Quyền lợi của tất cả các bên đều được tôn trọng và bảo đảm ở mức hài hòa, theo nguyên tắc win - win.

Vinacafé Biên Hòa sẽ tôn trọng hệ thống các nguyên tắc và đây cũng là kim chỉ nam hành động cho mọi cá nhân trong công ty, bao gồm:

- Không ngừng tìm kiếm để áp dụng cách thức tốt nhất trên thế giới vào trong tất cả các vấn đề liên quan đến quản trị doanh nghiệp.
- Thực hiện các hoạt động tài chính với sự thận trọng, luôn nhận thức rằng việc quản lý tốt rủi ro, bảo toàn tài sản, duy trì khả năng thanh toán bằng tiền mặt là thiết yếu cho sự thành công của công ty.
- Phát triển và tiếp thị sản phẩm [và dịch vụ] để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, xây dựng uy tín về mức giá cạnh tranh, chất lượng sản phẩm nhất quán, dịch vụ chăm sóc khách hàng tốt, và phát triển dịch vụ và sản phẩm mới.
- Đầu tư vào con người, phát triển năng lực của cán bộ, công nhân viên trong công ty, thúc đẩy sự xuất sắc, khen thưởng những người đạt thành quả tốt và tạo cơ hội cho họ cùng chia sẻ sự thịnh vượng của công ty.
- Tôn trọng các tiêu chuẩn về môi trường và hạn chế những hoạt động không có lợi cho môi trường.

5. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Về trung hạn, Vinacafé Biên Hòa phấn đấu nằm trong Top 10 công ty có giá trị vốn hóa lớn nhất Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực chế biến thực phẩm niêm yết tại HoSE vào năm 2015.

Trong dài hạn, ngoài việc duy trì sản phẩm cốt lõi là cà phê với sản phẩm đa dạng, Công ty sẽ mở rộng phạm vi kinh doanh sang các sản phẩm khác trong ngành hàng thực phẩm và đồ uống, phục vụ nhu cầu thị trường trong nước và thế giới. Tất cả những sản phẩm đã có và sẽ phát triển mới của Vinacafé BH đều có chung một đặc điểm: chất lượng cao và độc đáo khi so sánh với các sản phẩm cùng loại trên thị trường dựa trên nền tảng của việc nắm vững và làm chủ khoa học, công nghệ. Hình ảnh nổi bật của một công ty đứng đầu về công nghệ, thị trường trong lĩnh vực cà phê hòa tan sẽ được duy trì khi công ty tham gia vào các ngành hàng mới.

6. Danh hiệu và giải thưởng đạt được:

Ngày 05/3/2010, Công ty CP Vinacafé Biên Hòa tiếp tục được nhận danh hiệu “Hàng Việt Nam chất lượng cao” do người tiêu dùng bình chọn. Đây là lần thứ 14 Vinacafé đạt danh hiệu uy tín này.

Đặc biệt, mặt hàng Cà phê hòa tan Vinacafé được chứng nhận là Sản phẩm Việt Nam tốt nhất (The Best of Vietnam), đứng đầu số lượng phiếu bình chọn của NTD, vượt qua các sản phẩm cà phê của các doanh nghiệp khác cũng như các sản phẩm đồ uống như nước trái cây, soda, xá xị, nước yến, sữa đậu nành, nước tinh khiết,...trong nhóm ngành hàng đồ uống không cồn.

Tại lễ công bố Thương hiệu Quốc gia lần hai năm 2010, Vinacafé một lần nữa lại được vinh danh. Việc tham gia vào chương trình Thương hiệu Quốc gia hai lần liên tiếp là bằng chứng ghi nhận cả một quá trình hơn 30 năm xây dựng và phấn đấu của các thế hệ cán bộ, công nhân viên Công ty cổ phần Vinacafé Biên Hòa.



Và nó cũng thể hiện sự quyết tâm cao xây dựng một thương hiệu cà phê Việt Nam.

Nhiều năm liền đạt Thương hiệu mạnh do Thời báo Kinh tế VN tổ chức, năm 2010 Vinacafé đứng Top 10 của giải thưởng này.

Trong năm 2010, Vinacafé BH còn đoạt được các giải thưởng uy tín như: Sao Vàng Đất Việt (Top 100); Thương hiệu nổi tiếng Quốc gia (Top 130); Giải thưởng chất lượng quốc gia (Giải bạc); Doanh nghiệp nộp thuế cao nhất; Doanh nghiệp phát triển nhanh nhất...





Ngoài ra, nhằm tôn vinh các doanh nghiệp, doanh nhân nâng cao tinh thần kinh doanh, xây dựng và phát triển doanh nghiệp bền vững, chấp hành tốt pháp luật, chủ động tận dụng được cơ hội để tái cơ cấu doanh nghiệp, giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến bảo vệ môi trường, quan hệ lao động, quản trị doanh nghiệp, Tổng Giám đốc Phạm Quang Vũ được VCCI chọn là 1 trong 100 doanh nhân tiêu biểu năm 2010 và được trao tặng Cúp Thánh Gióng.

II/ BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

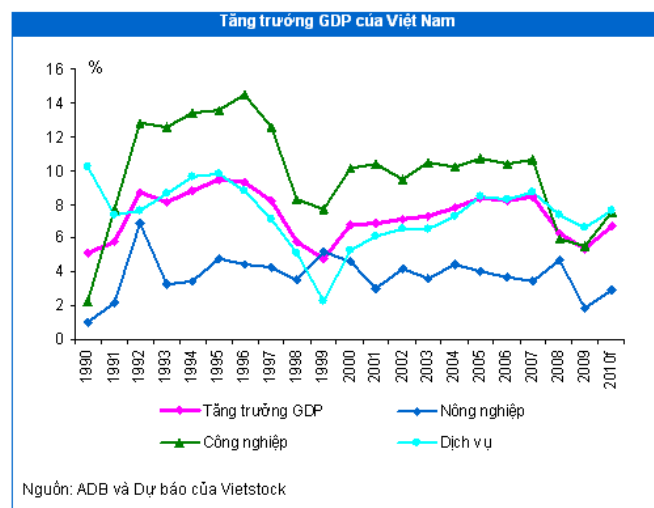
Kính thưa Quý vị Cổ đông

1. Khái quát tình hình:

Mặc dù thế giới chưa thoát khỏi khủng hoảng kinh tế, song những tín hiệu lạc quan vào đầu năm 2010 cho phép chúng ta, tại Đại hội Cổ đông thường niên lần thứ 5 đã cùng xác định mục tiêu tăng trưởng của năm 2010 là 20% so với năm 2009.

Tuy nhiên, đến giữa năm, các dấu hiệu của phục hồi ngày càng ít đi. Kinh tế thế giới tiếp tục bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng nợ xấu của các nước châu Âu như Hy Lạp, Ai Len và những bất ổn về chính trị tại nhiều khu vực. Như một tất yếu, vì là thành phần không tách rời của thế giới, kinh tế Việt Nam bắt đầu bộc lộ những bất ổn. Bất ổn về vĩ mô đã ảnh hưởng trực tiếp đến các doanh nghiệp.

Nếu nhận định của các chuyên gia kinh tế đưa ra từ đầu năm lạc quan bao nhiêu thì



bắt đầu từ giữa năm 2010, những tín hiệu xấu cho nền kinh tế Việt Nam và hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, trong đó có Vinacafé Biên Hòa, càng rõ nét bấy nhiêu. Mặc dù năm 2010, Việt Nam vẫn đạt tăng trưởng GDP khoảng 6,78%, cao hơn nhiều mức tăng 5,32% của năm 2009 và vượt kế hoạch đề ra ở mức 6,5%..., nhưng nền kinh tế vẫn cho thấy nhiều dấu hiệu bất ổn: Lạm phát hơn 2 con số. Nguyên nhân do cộng hưởng các yếu tố

như thiên tai, giá cả hàng hóa thế giới tăng, tiền đồng bị mất giá và cung tiền tăng mạnh. Đến 31. 12. 2010, tiền đồng bị mất giá gần 12% so với tháng 11/2009. Nguyên nhân chủ yếu là lòng tin vào đồng nội tệ suy giảm dẫn đến việc trốn chạy sang trú ẩn ở vàng và đồng đô la Mỹ.

Mức tăng trưởng GDP 6,78% đến từ các lĩnh vực: nông nghiệp tăng ở mức khá, công nghiệp: gần 14%, dịch vụ: 58%, thương mại: 24,5%. Trong bối cảnh đó, Vinacafé Biên Hòa đã có một kết quả kinh doanh khá ấn tượng với doanh thu thuần tăng 28% vượt 6% so với kế hoạch.

Kết quả đó cho phép nhận định rằng: *năm 2010 vừa qua là một năm vượt bão thành công của Vinacafé Biên Hòa.*

2. Kết quả sản xuất kinh doanh 2010

CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	DIỄN BIẾN QUA CÁC NĂM		
		2008	2009	2010
1. Sản xuất				
Cà phê các loại	Tấn	12.777	13.448	16.786
Ngũ cốc DD	Tấn	3.234	3.596	4.457
2. Tiêu thụ				
Cà phê các loại	Tấn	12.439	13.741	16.310
Ngũ cốc DD	Tấn	3.241	3.546	4.509
3. Tổng tài sản	1.000đ	390.709.349	491.952.542	729.227.252
4. Vốn điều lệ	1.000đ	141.757.100	141.757.100	265.791.000
5. Kết quả kinh doanh và lãi - lỗ				
Doanh thu thuần	1.000đ	863.037.539	1.020.693.745	1.301.664.303
Lãi trước thuế	1.000đ	113.725.091	147.032.687	178.260.220
Thuế TNDN	1.000đ	8.531.914	11.027.452	16.698.886
Lãi ròng	1.000đ	105.193.178	136.005.235	161.561.334
6. Cổ phần phổ thông				
Số lượng	CP	14.175.710	14.175.710	26.579.135
Giá thị trường/ CP	Đồng	65.000	90.000	50.000
Giá sổ sách/ CP	Đồng	23.060	31.170	21.790
Thu nhập/ CP	Đồng	7.421	5.117	6.079
Cổ tức/ CP	Đồng	6.300	1.350	1.500
7. Tỷ suất sinh lợi				
Trên doanh thu	%	12,19	13,32	12,41
Trên tổng tài sản	%	26,92	27,65	22,16
Trên vốn cổ phần	%	82,45	95,94	60,79

Các chỉ tiêu chủ yếu phản ánh tình hình sản xuất kinh doanh cho thấy, Vinacafé Biên Hòa vẫn duy trì tốt tốc độ tăng trưởng bình quân từ 20 đến 30%/ năm trong

nhiều năm trước đây. Riêng năm 2010, khối lượng sản xuất và tiêu thụ cà phê các loại tăng lần lượt là 24,8% và 18,7 % so với 2009; khối lượng sản xuất và tiêu thụ nhóm ngũ cốc dinh dưỡng tăng lần lượt là 23,94% và 27,16%. So với năm 2009, Vốn điều lệ của công ty tăng 87% (cao hơn mức tăng 77% của 5 năm trước đó), Tổng tài sản của công ty tăng 48%, Lãi sau thuế đạt gần 162 tỷ đồng, so với kế hoạch đề ra 136 tỷ đồng đã vượt 19%.

3. Hoạt động đầu tư mở rộng sản xuất trong 2010

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ lần thứ V vào tháng 5/2010, công ty đã đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án xây dựng mới Nhà máy cà phê hòa tan 3.200 tấn năm tại Long Thành, Đồng Nai.



Ngày 15/12/ 2010, sau khi hoàn tất các thủ tục cần thiết, công ty đã chính thức khởi công xây dựng nhà máy mới. Đến nay, các phần việc chính của dự án đã được thực hiện xong là:

- ❖ Ký hợp đồng mua sắm dây chuyền sản xuất 3.200 tấn CPHT/ năm với Niro GEA và đã chuyển 696.000 EUR để thực hiện hợp đồng. Phía NIRO đang tiến hành thiết kế tiền chế tạo để chuyển cho Vinacafé BH làm cơ sở thiết kế thi công nhà xưởng.
- ❖ Ký hợp đồng với CIDECO về tư vấn giám sát thi công.
- ❖ Ký hợp đồng san lấp mặt bằng, xây dựng cổng, tường rào nhà bảo vệ và nhà kho nguyên liệu với Công ty CP Tập đoàn đầu tư xây dựng Đông Đô, BQP. Hiện công việc này đang được thực hiện.

Hiện nay, BQL Dự án cũng đã có văn bản trình về việc nâng tổng mức đầu tư lên 10% do có thay đổi về tỷ giá và giá vật tư xây dựng.

4. Hoạt động quản trị công ty 2010

Trong 5 năm đầu hoạt động, tính từ năm 2005, Công ty CP Vinacafé Biên Hòa đã có 3 lần tăng vốn thông qua việc phát hành thêm cổ phiếu phổ thông, phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, vốn điều lệ của công ty đã tăng từ 80 tỷ đồng lên 141,76 tỷ đồng. Trong năm 2010, Công ty đã có 2 lần tăng vốn thông qua phát hành thêm cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 25% và phát hành thêm cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 50%. Tính đến cuối năm tài khóa 2010, vốn điều lệ của công ty là 265,79 tỷ đồng, tăng 232% so với vốn điều lệ tại thời điểm thành lập.

Cùng với việc tăng vốn điều lệ, trong năm 2010, công ty cũng đã tiến hành lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để chỉnh sửa, bổ sung Điều Lệ Công ty để đáp ứng các quy định của luật pháp đối với một công ty đại chúng có cổ phiếu niêm yết tại sàn giao dịch chứng khoán. Ngày 28/01/2011, cổ phiếu của Vinacafé Biên Hòa với mã VCF đã chính thức được giao dịch tại sàn Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM (Hose). Với mức giá khởi điểm 50.000đ/CP, vốn hóa thị trường của Vinacafé Biên Hòa đạt gần 1.300 tỷ đồng vào thời điểm đầu năm 2011.



Trong năm 2010, Hội đồng Quản trị đã nhóm họp khá đều đặn để giải quyết các vấn đề quản trị công ty theo đúng quy định tại Điều lệ và đáp ứng kịp thời những yêu cầu cho hoạt động chung của công ty nhằm thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2010.

5. Định hướng hoạt động năm 2011

Năm 2011 sẽ là một năm khó khăn của kinh tế thế giới. Các nền kinh tế lớn phục hồi chậm chạp. Châu Âu chưa ra khỏi khủng hoảng nợ xấu. Nhật, nền kinh tế lớn thứ ba thế giới đang phải gánh chịu hậu quả hết sức nặng nề về thiên tai và khủng hoảng hạt nhân. Bất ổn về chính trị và nguy cơ chiến tranh ở nhiều khu vực. Việt Nam, đương nhiên sẽ chịu tác động xấu từ các yếu tố đó.

Như vậy, năm 2011 sẽ là năm mà Vinacafé Biên Hòa phải vượt nhiều khó khăn hơn so với năm 2010. Năm 2011 là năm mà chính phủ đặt mục tiêu số 1 là ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát. Những dấu hiệu bất ổn của kinh tế vĩ mô mà chúng ta đã thấy trong quý 1/2011 như lạm phát, tiền đồng mất giá, ngoại hối căng

thăng, đặc biệt, cà phê nhân, nguyên liệu chính đang ở đỉnh cao của chu kỳ giá. Nếu như cuối tháng 12/2010, giá cà phê Robusta loại xô ở mức 36.000đ/kg, giá 2011 đang hướng đến mức 50.000đ/kg.

Cạnh tranh sẽ quyết liệt hơn. Giá nguyên liệu đầu vào sẽ là khó khăn rất lớn vì Vinacafé luôn đặt yêu cầu về chất lượng sản phẩm ở vị trí số 1. Giá bán Vinacafé tăng 25% so với 2010 trong khi người dân cắt giảm chi tiêu sẽ là một thách thức lớn cho Vinacafé Biên Hòa trong công tác tiêu thụ sản phẩm.

Năm 2011, công ty sẽ vừa phải vượt qua nhiều khó khăn nêu trên, vừa chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thực hiện mục tiêu dài hạn là trở thành 1 trong 10 công ty hoạt động trong ngành công nghiệp thực phẩm có giá trị vốn hóa lớn nhất Việt Nam vào năm 2015. Mục tiêu ngắn hạn trong năm 2011 là:

- Tăng 19% về khối lượng hàng hóa tiêu thụ.
- Tăng 48% về doanh thu (đạt 1.927 tỷ đồng)
- Lợi nhuận sau thuế: 139 tỷ đồng.

Trong năm 2011, Vinacafé BH sẽ tập trung vào các hoạt động chính như sau:

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng để nhà máy sản xuất cà phê hòa tan 3.200 tấn/năm tại Long Thành, Đồng Nai - dự kiến được đưa vào khai thác đúng tiến độ.
- Trang bị thêm hệ thống kho bãi để chủ động kế hoạch sản xuất và kinh doanh trên cơ sở sử dụng tối đa công suất của kho hiện tại và kho nhà máy mới.
- Đầu tư mạnh mẽ cho việc làm tươi mới thương hiệu, thiết kế sản phẩm mới cho thị trường xuất khẩu và nội địa.
- Nâng cấp hệ thống phân phối.
- Tuyển dụng thêm và đào tạo nhân lực và chuẩn bị các nguồn lực khác đáp ứng yêu cầu cho chiến lược phát triển đến 2014.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

(đã ký)

Đỗ Văn Nam

III/ BÁO CÁO CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

(V/v: công việc đã thực hiện dự án Nhà máy sản xuất cà phê hòa tan công suất 500kg/giờ tại Long Thành, Đồng Nai)

Kính gửi : **Đại Hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa**
Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Ban quản lý dự án Nhà máy sản xuất cà phê hòa tan công suất 500 kg/giờ của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa kính trình Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị về những nội dung công việc đã thực hiện từ đầu năm 2010 đến nay trong khuôn khổ thực hiện dự án Nhà máy sản xuất cà phê hòa tan công suất 500kg/giờ như sau:

1. Kế hoạch đấu thầu và bản tổng tiến độ thực hiện dự án:

- Ngày 22 tháng 03 năm 2010 Ban quản lý dự án trình Hội đồng quản trị Công Ty Cổ Phần Vinacafé Biên Hòa.
- Ngày 02 tháng 04 năm 2010 Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa quyết định phê duyệt kế hoạch đấu thầu và bản tổng tiến độ thực hiện dự án.

2. Gói thầu TV1: Thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán chi tiết và tổng dự toán các hạng mục và thiết bị chế tạo.

- Vào tháng 6 năm 2010 Ban quản lý dự án đã lập và trình Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Vào tháng 7 năm 2010 Hội đồng quản trị phê duyệt kết quả nhà thầu trúng thầu Gói thầu TV1: Thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán chi tiết và tổng dự toán các hạng mục và thiết bị chế tạo là Công ty Cổ phần thiết kế công nghiệp hóa chất.

3. Vào tháng 8 năm 2010 Ban quản lý dự án lựa chọn Nhà thầu tư vấn lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu các gói thầu xây dựng và thiết bị.

4. Vào tháng 11 năm 2010 Ban quản lý dự án đã làm đơn xin cấp giấy phép xây dựng và đã được Ban quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp giấy phép xây dựng.

5. Vào tháng 12 năm 2010 do tình hình thực tế Ban quản lý dự án trình Hội đồng quản trị phê duyệt thay đổi bố trí mặt bằng, diện tích nhà kho nguyên liệu tăng lên, và tách riêng nhà văn phòng không chung với kho đường sữa cho phù hợp với tình hình thực tế. Đã được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Vào tháng 12 năm 2010 Ban quản lý dự án đã làm đơn xin điều chỉnh cấp giấy phép xây dựng và đã được Ban quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai đã cấp giấy phép xây dựng điều chỉnh.

7. Gói thầu NN1: Mua sắm dây chuyền sản xuất cà phê hòa tan công suất 500kg/giờ (kể cả chi phí hướng dẫn vận hành và chuyển giao công nghệ):

- Vào tháng 11 năm 2010 Ban quản lý dự án đã lập và trình Hội đồng quản trị phê duyệt
- Vào tháng 12 năm 2010 Hội đồng quản trị phê duyệt kết quả nhà thầu trúng thầu Gói thầu NN1: Mua sắm dây chuyền sản xuất cà phê hòa tan công suất 500kg/giờ (kể cả chi phí hướng dẫn vận hành và chuyển giao công nghệ) là Công ty GEA Process Engineering A/S – GEA Niro.
- Vào ngày 24/01/2011 Ban quản lý dự án đã ký hợp đồng với Công ty GEA Process Engineering A/S – GEA Niro.
- Vào ngày 05 tháng 4 năm 2011 với Công ty GEA Process Engineering A/S – GEA Niro cung cấp hồ sơ kỹ thuật cho Ban quản lý dự án để thiết kế phần thi công xây dựng.

8. Gói thầu XL1: San lấp mặt bằng, xây dựng cổng, tường rào, nhà bảo vệ, kho nguyên liệu cà phê hạt:

- Vào tháng 2 năm 2011 Ban quản lý dự án đã lập và trình Hội đồng quản trị phê duyệt
- Vào tháng 2 năm 2011 Hội đồng quản trị phê duyệt kết quả nhà thầu trúng thầu Gói thầu XL1: San lấp mặt bằng, xây dựng cổng, tường rào, nhà bảo vệ, kho nguyên liệu cà phê hạt là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Phát triển Đông đô-BQP.
- Vào ngày 14 tháng 3 năm 2011 Ban quản lý dự án đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Phát triển Đông đô-BQP (hiện nay công ty trên đang triển khai thi công xây dựng gói thầu XL1).

9. Gói thầu TV3: Tư vấn giám sát thi công xây dựng:

- Vào tháng 3 năm 2011 Ban quản lý dự án đã lập và lựa chọn nhà thầu là Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng (CIDECO).

- Về tài chính Ban quản lý dự án đã chi cho các công ty sau:
 - + Công ty Cổ phần Thiết kế Hóa chất 693 triệu đồng.
 - + Công ty TNHH Kiến trúc Phú Mỹ 174 triệu đồng.
 - + Công ty GEA Process Engineering A/S – GEA Niro 696.000 EUR.

Trên đây là bản báo cáo của Ban quản lý dự án những công việc đã thực hiện của dự án Nhà máy sản xuất cà phê hòa tan công suất 500 kg/giờ tại Khu Công nghiệp Long Thành tỉnh Đồng Nai của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa.

Bước sang năm 2011 Nhà nước đã điều chỉnh tỷ giá tăng 9,3% và nhiên liệu, điện, nhân công do đó vật liệu cơ bản như sắt, thép, xi măng,... tăng cao. Để tạo điều kiện cho dự án thực hiện đúng tiến độ Ban quản lý dự án kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tổng mức đầu tư dự kiến là: 617.397.340.384 đồng tăng gần 10% so với tổng mức đầu tư cũ (563.162.198.605 đồng), đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt chi tiết các hạng mục cụ thể của dự án cho phù hợp với tình hình thực tế giá cả hiện nay.

P. Trưởng ban QLDA

(đã ký)

Lê Quang Chính

IV/ BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kính thưa Đại hội đồng Cổ đông

Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát quy định tại điều lệ Công ty, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán KPMG và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2010 ngày 5 tháng 5 năm 2010.

Ban kiểm soát Công ty xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2010 như sau:

1. Báo cáo kết quả công tác giám sát 2010

1.1 Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông ngày 5-5-2010 bổ nhiệm trong nhiệm kỳ 5 năm. Trong năm qua đã có những hoạt động sau:

- Tham gia một số cuộc họp của Hội đồng quản trị,
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty,
- Xem xét báo cáo tài chính các quý và năm nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính,
- Xem xét tình hình thực hiện các dự án đầu tư,
- Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.

1.2 Hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành:

- HĐQT gồm có 07 thành viên do Đại hội đồng cổ đông ngày 5-5-2010 bổ nhiệm trong nhiệm kỳ 5 năm. HĐQT đã bổ nhiệm phó Chủ tịch HĐQT, Tổng GD và các phó TGD.
- Trong năm qua HĐQT đã có nhiều cuộc họp quan trọng nhằm triển khai việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về việc niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, sửa đổi điều lệ của Công ty, xúc tiến nhanh tiến độ thực hiện dự án, vạch ra kế hoạch doanh số và lợi nhuận của Công ty.

- HĐQT và Ban Điều hành đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong công tác quản lý hành chính cũng như trong các giao dịch. Các thành viên HĐQT, Ban Điều hành và các Cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Các cuộc họp của HĐQT được triệu tập và tổ chức đúng theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty,
- Các biên bản họp, Nghị quyết của HĐQT đều có đầy đủ chữ ký của các Thành viên dự họp,
- Các Nghị quyết của HĐQT, quyết định của Ban Điều hành đều tập trung vào việc triển khai nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và được ban hành kịp thời, thực hiện tốt chức năng quản trị của HĐQT đồng thời đáp ứng được yêu cầu điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Điều hành.
- Trong năm qua, Công ty không phát sinh bất cứ vấn đề tranh chấp nào liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Các thành viên Ban điều hành và đội ngũ Cán bộ quản lý của Công ty đã thể hiện tốt nhiệm vụ và năng lực trong công tác quản lý, sử dụng và phát huy tốt các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của Công ty, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, các chế độ chính sách với người lao động.

Dựa trên kết quả kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát nhất trí với các nội dung trong báo cáo kết quả hoạt động SXKD của TGD. Ban Kiểm soát trân trọng những cố gắng và nỗ lực của HĐQT, Ban Điều hành và các Cán bộ quản lý đã duy trì tốt mục tiêu tăng trưởng và phát triển của Công ty.

1.3 Hoạt động của Ban quản lý dự án:

Ban quản lý dự án được điều hành trực tiếp bởi Tổng Giám đốc đang được khẩn trương thực hiện theo tiến độ đã vạch ra, do Ban quản lý dự án báo cáo chi tiết.

1.4 Kết quả thẩm định báo cáo Tài chính và kết quả SXKD năm 2010:

- Trong báo cáo tài chính năm 2010 đã phản ánh hợp lý, trung thực tình hình tài chính tại thời điểm kết thúc năm tài chính cũng như kết quả kinh doanh, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.
- Trong năm qua, hoạt động của HĐQT và Ban Điều hành Công ty đã tập trung vào định hướng phát triển theo nghị quyết do Đại hội đồng cổ đông các năm thông qua đó là SXKD hai mặt hàng chính là cà phê các loại và

bột ngũ cốc dinh dưỡng, xúc tiến dự án xây dựng Nhà máy Cà phê hòa tan tại Long Thành.

- Về kết quả hoạt động SXKD năm 2010, Công ty tăng trưởng về sản lượng, doanh thu cũng như lợi nhuận được thể hiện ở các chỉ tiêu sau:

a. Tình hình sản xuất tiêu thụ năm 2010:

DVT: Tấn

Chỉ tiêu	Thực hiện 2009	Kế hoạch 2010	Thực hiện 2010	So sánh với KH 2010(%)	So sánh với TH 2009(%)
Khối lượng sản xuất					
Cà phê các loại	13.448	15.650	16.786	107,26	124,82
Bột NCDD	3.596	4.500	4.457	99,04	123,94
Khối lượng tiêu thụ					
Cà phê các loại	13.741	15.650	16.310	104,22	118,70
Bột NCDD	3.546	4.500	4.509	100,20	127,16

b. Một số chỉ tiêu SXKD khái quát năm 2010:

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2009	Kế hoạch 2010	Thực hiện 2010	So sánh với KH 2010 (%)	So sánh với TH 2009 (%)
Doanh thu thuần	1.020.693	1.227.097	1.301.664	106,08	127,53
Tổng chi phí	873.660	1.080.097	1.123.404	104,01	128,59
Lợi nhuận trước thuế	147.033	147.000	178.260	121,27	121,24
Lợi nhuận sau thuế	136.005	135.975	161.561	118,82	118,79
Tổng tài sản	491.953		729.227		148,23
Vốn điều lệ	141.757		265.791		187,50
Vốn chủ sở hữu	447.351		579.163		129,47

1.5 Mối quan hệ của HĐQT, Ban điều hành, Cổ đông và Người lao động:

- Trong năm qua, HĐQT và BDH luôn lấy nghị quyết Đại hội đồng cổ đông làm kim chỉ nam trong việc hoạch định các chính sách cho các hoạt động SXKD và đầu tư phát triển, do đó đã giúp Công ty hoàn thành kế hoạch SXKD và đạt chỉ tiêu tăng trưởng năm sau luôn cao hơn năm trước.
- Quyền lợi của Người lao động được chăm lo đầy đủ đúng chế độ qui định như chế độ thi đua khen thưởng, tham quan du lịch v.v..., các Tổ chức chính trị - xã hội luôn được thực hiện và quan tâm tạo điều kiện về thời gian, kinh phí để duy trì hoạt động.

Kết luận về hoạt động giám sát 2010

- Trong quá trình thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát, HĐQT và BDH luôn tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ. Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng theo luật pháp và điều lệ quy định, không làm ảnh hưởng đến hoạt động của HĐQT và BDH.
- Với trách nhiệm và quyền hạn mà Điều lệ Công ty và pháp luật đã quy định, Ban kiểm soát đã kiểm soát hoạt động SXKD, công tác quản trị và điều hành của Công ty một cách độc lập với HĐQT và BDH. Ban kiểm soát xin báo cáo để Đại hội đồng cổ đông xem xét.

2. Phương hướng hoạt động kiểm soát 2011

Căn cứ:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông,
- Các quy định của Luật Doanh nghiệp,
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Ban kiểm soát Công ty sẽ thực hiện nhiệm vụ thay mặt Cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Hàng quý các công việc chính Ban kiểm soát phải thực hiện như sau:

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với HĐQT và BDH,
- Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty,
- Thẩm định báo cáo tài chính và kết quả SXKD hàng quý, năm,

- Xem xét tính hợp lệ về việc ban hành các Nghị quyết của HĐQT dựa trên biên bản họp HĐQT,
- Xem xét tính hợp pháp, kịp thời các quyết định của Ban Tổng Giám đốc,
- Xem xét tính hợp pháp các hợp đồng kinh tế quan trọng của Công ty,
- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành đầy đủ và nghiêm túc quy định của pháp luật, Sở giao dịch chứng khoán về công bố thông tin,
- Xem xét việc triển khai các dự án đầu tư.

Trưởng Ban Kiểm soát
(đã ký)
Nguyễn Ngọc Tuấn

V/ BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ VIỆT NAM 2010

Theo lộ trình gia nhập WTO, kinh tế Việt Nam trong năm 2010 có độ mở lớn hơn, chịu ảnh hưởng của kinh tế thế giới mạnh mẽ hơn. Dù bối cảnh thế giới có nhiều bất lợi, song các chuyên gia đều thống nhất với nhận định: Năm 2010 là năm bứt phá thành công trong khó khăn của kinh tế Việt Nam.

Tăng trưởng kinh tế: Ước tính GDP cả năm 2010 tăng 6,7%. Công nghiệp tiếp tục là đầu tàu của tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2010 ước tăng 14% so với năm 2009. Con số 14% này sẽ là một mốc để Vinacafé Biên Hòa đánh giá hoạt động của mình. GDP bình quân đầu người năm 2010 ước đạt 1.160 USD. Đây là mức thu nhập mà trước đây các chuyên gia kinh tế nhận định là ngưỡng bùng nổ tiêu dùng. Tuy nhiên, tiêu dùng chưa thực sự bùng nổ, bởi mức 1.160 USD/ người chỉ là GDP danh nghĩa. Thu nhập của người dân thực tế đã bị “khấu trừ” bởi lạm phát và thiên tai dịch họa diễn ra tại Việt Nam trong năm 2010.

Đầu tư: Ước tính tổng đầu tư toàn xã hội năm 2010 đạt 800 nghìn tỷ đồng, tăng 12,9% so với năm 2009. Đây là một cơ sở để chúng ta xem xét việc đầu tư trong năm của mình.

Lạm phát và giá cả: Năm 2010 lạm phát có những diễn biến phức tạp. Từ đầu năm đến cuối tháng 8 chỉ số giá tiêu dùng diễn biến theo chiều hướng ổn định ở mức tương đối thấp. Tuy nhiên, lạm phát đã thực sự trở thành mối lo ngại từ tháng 9. Đến hết tháng 11, chỉ số giá tiêu dùng đã tăng tới 9,58%. Chưa có số liệu chính thức, nhưng lạm phát 2010 là 2 con số.

Tỷ giá: Diễn biến tỷ giá trong năm 2010 cũng khá phức tạp. Tỷ giá chính thức có thời điểm thấp hơn tỷ giá trên thị trường tự do tới 10% làm cho thị trường ngoại hối trở nên méo mó.

Xuất nhập khẩu: Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2010 ước đạt khoảng 70,8 tỷ USD, tăng 24,9% so với năm 2009, do sự đóng góp lớn của những mặt hàng công nghiệp chế biến và vẫn phụ thuộc nhiều vào các mặt hàng mang tính chất gia công. Tổng kim ngạch nhập khẩu năm 2010 ước đạt 82,6 tỷ USD, tăng 19,8% so với năm 2009. Nguyên nhân chính là do gia tăng nhập khẩu nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất (chiếm khoảng 80% cơ cấu nhập khẩu).

(số liệu tham khảo từ: http://www.ktpt.edu.vn/website/249_tong-quan-kinh-te-viet-nam-nam-2010-va-khuyen-nghi-cho-nam-2011.aspx Và <http://www.na.gov.vn/htx/vietnamese/default.asp?Newid=45177#6lnV6zcCN1Tz>)

2. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH CỦA VINACAFÉ BH

Những **thuận lợi và khó khăn** về môi trường hoạt động của Vinacafé Biên Hòa trong 2010 là đan xen lẫn nhau. Trong khó khăn lại có những cơ hội tốt. Ngược lại, những thế mạnh trước đây lại trở thành bất lợi trong 2010.

Ngành cà phê Việt Nam: khởi sắc trong năm 2010. Giá cà phê xô đang ở chu kỳ cao. Nhưng là một đơn vị chế biến, Vinacafé BH lại chịu áp lực tăng giá đầu vào, trong khi giá bán sản phẩm đầu ra không theo kịp tốc độ tăng giá. Việc duy trì **chất lượng sản phẩm**, vốn là thế mạnh của Vinacafé BH trước đây trở thành một áp lực



rất lớn khi nguyên liệu tăng giá và công ty khó sử dụng nguyên liệu thay thế.

Tỷ giá tăng và khủng hoảng nông nghiệp thế giới do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, bất ổn chính trị khiến nguyên liệu chính tăng giá, làm cho giá thành sản phẩm tăng cao, lợi nhuận biên giảm, công ty ít có điều kiện đầu tư cho

thương hiệu. Trong năm 2010, công ty đã có 3 đợt điều chỉnh tăng giá bán sản phẩm. Chính sách tăng thu nhập cho hệ thống phân phối qua mỗi đợt tăng giá đã tạo nên một lực đẩy mạnh mẽ trên thị trường.

Tuy nhiên, mặt trái của nó là lực kéo đối với người tiêu dùng cuối cùng giảm sút. **Khủng hoảng kinh tế thế giới** đã khiến xuất khẩu khó khăn. **Uy tín của thương hiệu Vinacafé và mạng lưới phân phối gắn kết lâu năm** là các yếu tố quan trọng tạo thành công cho công ty trong năm 2010.

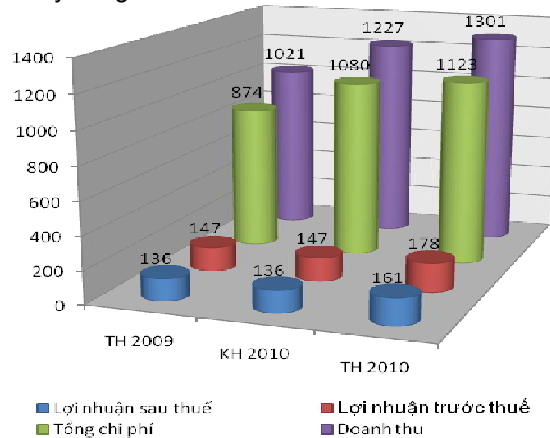
3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2010

3.1 Đánh giá việc thực hiện kế hoạch:

CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN 2009	NĂM 2010		SO SÁNH THỰC HIỆN 2010 VỚI	
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	KH 2010	TH 2009
SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT CHỦ YẾU						
-Cà phê các loại	tấn	13.448	15.650	16.786	107%	125%
-Ngũ cốc dinh dưỡng	tấn	3.596	4.500	4.457	99%	124%
SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ CHỦ YẾU						
-Cà phê các loại	tấn	13.741	15.650	16.310	104%	119%
<i>Trong đó xuất khẩu</i>	<i>tấn</i>	<i>1.277</i>	<i>1.250</i>	<i>1.301</i>	104%	102%
-Ngũ cốc dinh dưỡng	tấn	3.546	4.500	4.509	100%	127%
LAO ĐỘNG VÀ THU NHẬP						
Tổng số lao động	người	450	480	550	115%	122%
Tổng quỹ lương	Tr đ	41.500	52.462	55.245	105%	133%
KẾT QUẢ KINH DOANH						
Tổng doanh thu tiêu thụ	Tr đ	1.020.693	1.227.097	1.301.664	106%	127,5%
<i>Trong đó Doanh thu XK</i>	<i>Tr đ</i>	<i>77.704</i>	<i>71.760</i>	<i>86.498</i>	121%	111%
Tổng chi phí SP tiêu thụ	Tr đ	873.660	1.080.097	1.123.404	104%	129%
Lợi nhuận trước thuế	Tr đ	147.033	147.000	178.260	121%	121%
Lợi nhuận sau thuế	Tr đ	136.005	135.975	161.561	119%	119%
Tổng tài sản	Tr đ	491.953		729.227		148%
Vốn điều lệ	Tr đ	141.757		265.791		187%
Tỷ lệ trả cổ tức	%	13,5	15,0	15,0	111%	111%
CÁC KHOẢN NỢ NSNN	Tr đ	82.152	85.000	108.647	128%	132%

Doanh thu tiêu thụ sản phẩm năm 2010 đạt 1.301 tỷ đồng, tăng 6% so với kế hoạch và tăng 27,5% so với 2009. **Tổng chi phí** sản phẩm tiêu thụ năm 2010 là 1.123 tỷ đồng, tăng 4% so với kế hoạch và tăng 29% so với 2009. **Lợi nhuận** sau thuế 2010 đạt 161 tỷ đồng, tăng 19% so với kế hoạch và thực hiện 2009.

ĐVT : tỷ đồng



So với năm 2009, doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2010 tăng 27,5%, chủ yếu do khối lượng hàng bán tăng trong đó khối lượng cà phê các loại bán tăng 18,7% và khối lượng hàng bán bột ngũ cốc tăng 27,16%.

Tuy doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng khá cao song lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ chỉ tăng 8,5% do giá vốn hàng bán tăng mạnh: 33,7%. Để đảm bảo lợi nhuận cho các cổ đông, công ty đã phải tiết giảm chi phí hoạt động (chỉ tăng 7,9%), mà chủ yếu là tiết giảm chi phí bán hàng. Chi phí bán hàng 2010 giảm 0,2% so với 2009.

Thu nhập tài chính tăng 103,4% so với 2009 do cả khối lượng tiền gửi và lãi suất tiền gửi ngân hàng đều tăng, cộng với chi phí tài chính giảm 8,8% đã làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 164,1 tỷ đồng, tăng 20,1% so với năm 2009.

ĐVT : đồng

Khoản Mục	Năm 2009	Năm 2010	Tăng/giảm	%
Tổng thu nhập	1.044.911.502.414	1.343.694.547.825	298.783.045.411	128,59%
-Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.020.693.745.048	1.301.664.302.702	280.970.557.654	27,53%
-Thu nhập tài chính	13.677.839.649	27.822.976.015	14.145.136.366	103,42%
-Thu nhập khác	10.539.917.717	14.207.269.108	3.667.351.391	34,79%
Tổng chi phí	897.878.815.654	1.290.317.407.120	276.717.044.558	30,82%
-Giá vốn hàng bán	769.264.519.884	1.028.845.343.605	259.580.823.721	33,74%
-Chi phí tài chính	12.743.456.458	11.618.394.063	(1.125.062.395)	-8,83%
-Chi phí hoạt động	115.721.546.908	124.883.079.759	9.161.532.851	7,92%
-Chi phí bán hàng	96.106.710.605	95.916.642.096	(190.068.509)	-0,20%
-Chi phí quản lý	19.614.836.303	28.966.437.663	9.351.601.360	47,68%
-Chi phí khác	149.292.404	87.509.934	(61.782.470)	-41,38%
Lợi nhuận				
-LN gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	251.429.255.164	272.818.959.097	21.389.703.933	8,51%
-LN thuần từ HĐKD	136.642.061.547	164.140.461.290	27.498.399.743	20,12%
-LN từ thu nhập khác	10.390.625.313	14.119.759.174	3.729.133.861	35,89%
-LN trước thuế	147.032.686.860	178.260.220.464	31.227.533.604	21,24%
-Thuế TNDN	11.027.451.515	16.698.886.015	5.671.434.500	51,43%
Lợi nhuận sau thuế	136.005.235.345	161.561.334.449	25.556.099.104	118,79%
-Số lượng cổ phiếu thưởng	14.175.710	26.579.135	12.403.425	87,50%
-Giá thị trường/CP	90.000	50.000	(40.000)	-44,44%
-Giá sổ sách/CP	31.170	21.790	(9.380)	-30,09%
-Lãi cơ bản/CP	5.117	6.079	962	18,80%
-Cổ tức/CP	1.350	1.500	150	11,1%

Lợi nhuận từ thu nhập khác cũng tăng 35,9% làm cho Lợi nhuận trước thuế đạt 178,26 tỷ đồng, tăng 21,2% so với năm 2009. Tuy nhiên thuế TNDN tăng 51,43% khiến lợi nhuận thuần chỉ tăng 19% so với năm 2009 do Nhà nước điều chỉnh thuế thu nhập khác nên Công ty không được hưởng thuế ưu đãi về thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng là 25% làm cho thu nhập sau thuế đạt 161,56 tỷ đồng.

3.2 Cơ cấu doanh thu bán hàng theo thị trường

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2009		2010		Tăng	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Tổng doanh thu	1.020,6	100	1.301,6	100	281	27,5
Nội địa	942,9	92,4	1.215,1	93,4	280,4	28,9
Xuất khẩu	77,7	7,6	86,5	6,6	8,8	11,3

Năm 2010, doanh thu nội địa và xuất khẩu đều tăng so với 2009, tương ứng là 28,9% VÀ 11,3%. Tuy giá trị xuất khẩu có tăng nhưng thực chất, khối lượng hàng xuất khẩu chỉ tăng nhẹ so với 2009, mức tăng 11,3% đến từ thay đổi tỷ giá hối đoái và giá bán sản phẩm là chủ yếu.

Cơ cấu doanh thu 2010



Cơ cấu doanh thu 2009



Nguyên nhân sụt giảm xuất khẩu là do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới đã tác động đến mức cầu tại các thị trường mà Vinacafé BH xuất khẩu đến. Điều này dẫn đến tỷ trọng doanh thu nội địa tiếp tục tăng cao hơn (từ 92,4% lên 93,4%) đồng thời tỷ trọng giá trị doanh thu xuất khẩu giảm từ 7,6% xuống còn 6,6% tổng doanh thu bán hàng của công ty.

3.3 Cơ cấu doanh thu bán hàng theo sản phẩm

Nhìn chung cơ cấu doanh thu theo sản phẩm trong năm 2010 không có đột biến so với năm 2009. Ngoại trừ cà phê hòa tan và các sản phẩm khác giảm so với 2009 vì trong năm 2010, công ty tập trung nguyên liệu cho các sản phẩm chủ lực là cà phê 3 trong 1 và ngũ cốc dinh dưỡng.

ĐVT: ngàn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009		Năm 2010		Tăng trưởng
	Doanh thu	Tỷ lệ	Doanh thu	Tỷ lệ	
Tổng doanh thu	1.020.694	100,0%	1.301.664	100,0%	27,5%
Cơ cấu doanh thu theo mặt hàng					
1.Cà phê hòa tan	14.733	1,4%	13.595	1,0%	-7,7%
2.Cà phê sữa	801.492	78,5%	1.021.799	78,5%	27,5%
3.Cà phê rang xay	6.208	0,6%	8.443	0,6%	36,0%
4.Ngũ cốc	195.498	19,2%	256.505	19,7%	31,2%
5.Các SP khác	2.762	0,3%	1.322	0,1%	-52,1%

Tỷ trọng doanh thu từ ngũ cốc dinh dưỡng đóng góp trong toàn bộ doanh thu của công ty năm 2010 năm tăng so với năm 2009 do nhóm sản phẩm này có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn về khối lượng tiêu thụ.

3.4 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ số	ĐVT	2008	2009	2010
Tỷ số thanh toán				
Tỷ số thanh toán hiện hành	Lần	8,91	12,89	5,37
Tỷ số thanh toán nhanh	Lần	5,14	9,81	3,81
Tỷ số hoạt động				
Vòng quay các khoản phải thu	Lần	9,66	10,84	11,64
Kỳ thu tiền bình quân	ngày	37,79	33,66	31,37
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	6,06	9,66	6,62
Hiệu suất sử dụng TSCĐ	Lần	15,99	20,38	24,82
Hiệu suất sử dụng toàn bộ tài sản	lần	2,21	2,07	1,78
Hiệu suất sử dụng vốn cổ phần	lần	6,09	7,20	4,90
Tỷ số đòn bẩy tài chính				
Tỷ số nợ trên tài sản	%	12,45	10,18	20,58
Tỷ số nợ trên vốn cổ phần	%	34,33	35,34	56,46
Tỷ số tổng Tài sản trên vốn cổ phần	%	275,62	347,04	274,36
Khả năng thanh toán lãi vay	lần	2.553	1.154	1.534
Tỷ số sinh lợi				
Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu	%	12,19	13,32	12,41
Tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản	%	26,92	27,65	22,16
Tỷ suất sinh lợi trên vốn cổ phần	%	82,45	95,94	60,79
Tỷ số giá trị thị trường				
Thu nhập mỗi cổ phần	đồng	8.245	5.117	6.079
Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	0,10	0,02	0,03
Tỷ số giá trị thị trường trên thu nhập	%	7,88	17,59	8,23
Tỷ suất cổ tức	%	9,69	1,50	3,00

3.5 Phân tích các yếu tố chi phí

ĐVT: ngàn đồng

CÁC YẾU TỐ CHI PHÍ	THỰC HIỆN NĂM 2009		THỰC HIỆN NĂM 2010		TĂNG GIẢM	
	T. Tiền	Tỷ lệ%	T. Tiền	Tỷ lệ%	T. Tiền	Tỷ lệ%
NGUYÊN VẬT LIỆU	701.724	80,4	985.250	83,7	283.526	40,4
Nguyên liệu chính	528.442	60,6	752.426	63,9	223.984	42,4
Vật liệu phụ và bao bì	155.763	17,9	209.753	17,8	53.991	34,7
Nhiên liệu	13.749	1,6	18.774	1,6	5.025	36,5
Năng lượng	3.771	0,4	4.297	0,4	526	14,0
NHÂN CÔNG	46.538	5,3	58.147	4,9	11.609	25
Tiền lương	44.381	5,1	55.245	4,7	10.864	24
BHXH, BHYT, thất nghiệp	2.157	0,2	2.902	0,2	745	35
KHẤU HAO TSCĐ	8.114	0,9	8.229	0,7	115	1,42
KHÁC BẰNG TIỀN	115.941	13,3	125.660	10,7	9.719	8,38
TỔNG CỘNG	872.317	100	1.177.286	100	304.969	34,96

Tổng chi phí năm 2010 tăng xấp xỉ 35% do chi phí nguyên vật liệu tăng 40,4%, chi phí nhân công tăng 25%, khấu hao tài sản cố định tăng 1,42% và các chi phí khác bằng tiền tăng 8,38%. Trong các yếu tố thuộc nhóm nguyên vật liệu thì nguyên liệu chính và nhiên liệu tăng cao nhất, tương ứng là 42,4% và 36,5%.

Các yếu tố cấu thành tổng chi phí năm 2010, sắp xếp theo tỉ trọng từ cao nhất xuống thấp nhất như sau:

- Nguyên vật liệu: 83,7% (năm 2009 là 80,4%)
- Chi phí khác bằng tiền: 10,7% (năm 2009 là 13,3%)
- Chi phí nhân công: 4,9% (năm 2009 là 5,3%)
- Chi phí khấu hao TSCĐ: 0,7% (năm 2009 là 0,9%)

4. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2010

Mặc dù môi trường kinh doanh năm 2010 diễn biến khá phức tạp, tuy nhiên công ty vẫn đạt mức tăng trưởng khá tốt về doanh thu và lợi nhuận. Mức tăng hai chỉ tiêu này đều cao hơn mức tăng của năm 2009 so với 2008.

Do nguồn vốn tích lũy cho đầu tư xây dựng nhà máy cà phê hòa tan tại Long Thành, Đồng Nai chưa thực hiện chi đầu tư cho dự án trong năm 2010; từ đó, tạo nguồn thu nhập tài chính trong năm tăng và chi phí tài chính giảm đã góp phần mang lại lợi nhuận cho công ty.

Năm 2010, công ty đã có 2 lần tăng vốn bằng phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và cổ phiếu thưởng, nâng vốn điều lệ tăng 87%. Việc tăng vốn đã làm tỷ suất sinh lợi không còn cao bằng năm 2009 nhưng vẫn ở mức khá so với các công ty trong ngành.



Trong năm 2010, do biến động giá các yếu tố nguyên nhiên vật liệu đầu vào lớn, công ty giữ nguyên giá bán đến tháng 11/2010 nên giá bán trung bình năm 2010 tăng 5% so với giá bán trung bình năm 2009. Tuy nhiên, tại thời điểm tháng 3 năm 2011 mức giá bán các sản phẩm của công ty đã tăng bình quân 25% so với đầu năm 2010. Đây là một khó khăn rất lớn cho công tác tiêu thụ sản phẩm năm 2011.

Cũng vì biến động giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào, trong năm 2010 công ty ít có điều kiện tài chính cho các hoạt động củng cố, ***nâng cấp hệ thống phân phối và đầu tư cho thương hiệu. Đây là hai phần việc quan trọng cần tập trung đầu tư tốt hơn trong 2011.***

5. KẾ HOẠCH KINH DOANH 2011

5.1 Những dự báo cho năm 2011

Tạp chí Global Finance của Mỹ thậm chí đã đưa ra 12 kịch bản tồi tệ của kinh tế thế giới từ trước khi có thảm họa thiên tai và hạt nhân tại Nhật Bản, trong đó đáng lo ngại nhất là một cuộc khủng hoảng tài chính mới do tác động của nợ xấu trên toàn thế giới và khủng hoảng năng lượng do tác động của chiến tranh.



Về ngắn hạn, năm 2011, các nền kinh tế lớn của thế giới sẽ tiếp tục phục hồi chậm chạp, ngoại trừ Nhật Bản sẽ sa sút sau thảm họa động đất, sóng thần và rò rỉ hạt nhân.

Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2011 phụ thuộc vào ba yếu tố chính: tình hình kinh tế thế giới (nêu trên), sự ổn định kinh tế vĩ mô trong nước dưới sự điều hành của Chính phủ. Bên cạnh những thời cơ, thuận lợi là nhiều thách thức cho cả ba yếu tố trên.

Xuất khẩu của Việt Nam dù được hỗ trợ về tỷ giá nhưng sẽ gặp khó khăn bởi nhu cầu nhập khẩu và các rào cản thương mại. Khi kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi thì giá cả thị trường thế giới sẽ tăng, sẽ ảnh hưởng đến Việt Nam.

Dự báo, kinh tế Việt Nam chỉ có khả năng tăng tốc sớm nhất là vào quý 4 năm 2011. Các doanh nghiệp sẽ phải đối diện với 4 khó khăn chính là:



- Thứ nhất, những bất ổn vĩ mô và những yếu kém trong nội tại nền kinh tế sẽ trở thành thách thức rất lớn. Lạm phát năm 2011 sẽ tiếp tục ở mức cao. Tháng 5/2011, lương mới được áp dụng sẽ tạo ra tâm lý và lý do để thị trường tăng giá hàng hóa tiêu dùng.
- Thứ hai, tiền đồng sẽ tiếp tục giảm giá vì lạm phát của Việt Nam luôn ở mức cao hơn so với thế giới và NHNN không thể dùng dự trữ ngoại hối ít ỏi để can thiệp mạnh theo nhu cầu vì cần ngoại tệ theo yêu cầu của doanh nghiệp. Hơn nữa, Việt Nam vốn vẫn là quốc gia nhập siêu. Điều này sẽ vẫn tạo căng thẳng cho thị trường ngoại hối.
- Thứ ba, bội chi ngân sách cũng là áp lực cần giải quyết. Và thuế sẽ là áp lực lớn đối với các doanh nghiệp.

- Thứ tư, cơ sở hạ tầng, trình độ nguồn nhân lực và cải cách hành chính vẫn ảnh hưởng trực tiếp đến lòng tin của các nhà đầu tư trong và ngoài nước và là yếu tố cản trở tăng trưởng kinh tế.

Bên cạnh những khó khăn, thách thức trên, chúng ta cũng có nhiều thuận lợi như: Vinacafé là một thương hiệu mạnh, nổi tiếng, có uy tín trên thị trường; chúng ta đã xây dựng được hệ thống phân phối trên khắp cả nước; Vinacafé Biên Hòa là một tập thể lao động đoàn kết giàu kinh nghiệm và nhiệt huyết với Công ty. Đó là những cơ hội để chúng ta vượt qua mọi khó khăn, thách thức.



Đầu năm 2011, hàng loạt các tín hiệu xấu về kinh tế trong nước và thế giới như lạm phát, tỷ giá, lãi suất, giá cả nguyên nhiên vật liệu... đến dồn dập và trầm trọng hơn, buộc công ty phải tiếp tục tăng giá bán. Tại thời điểm tháng 1.2011, giá bán sản phẩm chủ yếu của công ty đã tăng khoảng 20% so với 2010. Sau Tết Nguyên đán, thị trường đang xảy ra tình trạng bão hòa về hàng hóa, nhất là hàng tiêu dùng do người dân thắt chặt chi tiêu, trong khi đầu vào vẫn không ngừng tăng giá.



Mục tiêu chính của Việt Nam trong 2011 là kiềm chế lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô. Trong bối cảnh đó và dự báo sẽ còn nhiều biến động phức tạp về giá cả, nhu cầu và sức mua của người tiêu dùng. Kế hoạch SXKD năm 2011 của Vinacafé Biên Hòa sẽ tập trung vào các nội dung chính như sau:

5.2 Mục tiêu của năm 2011

- ❖ Doanh thu: vượt ngưỡng 1.927 tỷ đồng
- ❖ Lợi nhuận: 139 tỷ đồng.

5. KẾ HOẠCH KINH DOANH 2011:

CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2010	KẾ HOẠCH NĂM 2011	SỐ SÁNH KH 2011 với TH 2010
I-KHỐI LƯỢNG SẢN XUẤT CHỦ YẾU				
-Cà phê các loại	tấn	16.786	19.475	116%
-Bột NCDD	tấn	4.457	5.350	120%
II-KHỐI LƯỢNG TIÊU THỤ CHỦ YẾU				
-Cà phê các loại	tấn	16.310	19.475	119%
<i>Trong đó Cà phê XK</i>	tấn	1.301	1.500	120%
-Bột NCDD	tấn	4.509	5.350	119%
<i>Trong đó Bột ngũ cốc XK</i>	tấn	14	15	107%
III-LAO ĐỘNG VÀ THU NHẬP				
-Tổng số lao động	người	550	610	111%
-Tổng quỹ lương	trđ	55.245	69.004	125%
IV-ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN				
1. Đầu tư mở rộng sản xuất	trđ	10.279	18.835	183%
- Mua sắm máy móc thiết bị	trđ	9.072	16.235	179%
- Xây dựng mở rộng nhà xưởng	trđ	1.207	2.600	215%
2. Đầu tư dự án mới	trđ	313	194.400	62.109%
- Mua sắm máy móc thiết bị	trđ		174.400	
- XD công tường rào, nhà kho	trđ	313	20.000	6.390%
V-KẾT QUẢ KINH DOANH				
-Tổng doanh thu tiêu thụ	trđ	1.301.664	1.927.437	148%
<i>Trong đó : Doanh thu XK</i>	trđ	86.498	127.242	147%
-Tổng chi phí SP tiêu thụ	trđ	1.123.404	1.773.506	158%
-LN trước thuế	trđ	178.260	153.931	86%
-LN sau thuế	trđ	161.561	139.148	86%
-Tổng tài sản	trđ	729.227	842.507	113%
-Vốn NN tại DN	trđ	265.791	265.791	100%
-Tỷ lệ trả cổ tức	%	15%	15%	100%
VI-CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NSNN	trđ	108.648	110.000	101%

Căn cứ vào tốc độ tăng trưởng bình quân của thị trường cà phê và qua dự báo bán hàng của các vùng miền trong nước, thị trường xuất khẩu cũng như năng lực sản xuất hiện có, Công ty dự kiến sản lượng sản xuất và tiêu thụ trong năm tăng cà phê các loại và bột ngũ cốc dinh dưỡng lần lượt là 19,4% và 18,6%.

Về doanh thu: dự kiến tăng trưởng so với thực hiện 2010 là 48% trong đó tăng do (1) sản lượng tiêu thụ tăng là 19% , (2) do giá bán của từng loại sản phẩm tăng so với năm 2010 như sau: Cà phê hòa tan tăng 20%, Cà phê 3 in 1 tăng 27%, Cà phê rang xay tăng 29%, Ngũ cốc dinh dưỡng tăng 13%.

Các chỉ tiêu chính của kế hoạch kinh doanh 2011 đều tăng so với 2010, ngoại trừ chỉ tiêu lợi nhuận.

Về lợi nhuận: Lợi nhuận sau thuế giảm 15% so với 2010 do chi phí sản phẩm tiêu thụ tăng 57,3 % do các loại vật tư chủ yếu tăng như sau : Giá nguyên liệu cà phê tăng 80%, Giá bao bì tăng 10%, Giá bột sữa tăng 20%, Giá nhiên liệu tăng 20%, Giá điện tăng 12.5%, Tỷ giá ngoại tệ tăng 9,3%. Cùng với sự thay đổi về sản lượng, dự toán về chi phí năm 2011 chi tiết như sau:

DVT: triệu đồng

CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ	NĂM 2010		NĂM 2011		SO SÁNH 2011- 2010	
	Thực hiện	Tỷ trọng %	Kế hoạch	Tỷ trọng %	Mức tăng	% tăng
NGUYÊN – V. LIỆU	985.250	83,8	1.562.327	84,4	577.077	58,6
Nguyên liệu chính	752.426	64,0	1.215.271	65,7	462.845	61,5
Vật liệu phụ và bao bì	209.753	17,8	315.254	17,0	105.501	50,3
Nhiên liệu	18.774	1,6	25.333	1,4	6.559	34,9
Năng lượng	4.297	0,4	6.469	0,3	2.172	50,5
NHÂN CÔNG	57.042	4,8	71.582	3,9	14.540	25,5
Tiền lương	55.245	4,7	69.004	3,7	13.759	24,9
BHXH	1.797	0,2	2.578	0,1	781	43,4
KHẤU HAO TSCĐ	8.229	0,7	9.345	0,5	1.116	13,6
BẰNG TIỀN KHÁC	125.660	10,7	207.315	11,2	81.655	65,0
TỔNG CỘNG	1.176.181	100	1.850.569	100	674.388	57,3

Về đầu tư mở rộng sản xuất : Công ty dự kiến nâng công suất chủ yếu là mua 3 máy bao gói, máy đầu trộn phục vụ cho nhu cầu sản xuất và các phụ trợ khác : 16,23 tỷ đồng và mở rộng phân xưởng bao gói là 2,6 tỷ đồng

Về đầu tư dự án mới trong năm 2011:

a. Mua dây chuyền sản xuất CPHT 3.200 tấn/năm, dự kiến tháng 12/2011 giao toàn bộ máy móc thiết bị với giá trị thanh toán:

• Dây chuyền sản xuất CPHT 3.200 tấn	thanh toán 80% :	165.000 trđ
• Hệ thống máy rang	thanh toán 10% :	4.000 trđ
• Lò hơi	thanh toán 10% :	1.000 trđ
• Máy nén khí	thanh toán 20% :	400 trđ
• Máy sàng phân loại cà phê hạt	thanh toán 100% :	4.000 trđ
Cộng		: 174.000 trđ

b. Xây dựng công tường rào và nhà kho nguyên liệu : 20.000.000 đồng

Để hoàn thành các chỉ tiêu SXKD nêu trên, năm 2011, Vinacafé Biên Hòa sẽ triển khai sản phẩm mới phù hợp hơn với thị trường miền Bắc và đầu tư nhiều hơn cho công tác bán hàng, marketing cho toàn thị trường nội địa và một số thị trường xuất khẩu chủ yếu và chuẩn bị cho kế hoạch phát triển đến 2014, công ty sẽ:

- Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ xây dựng nhà máy tại Long Thành, Đồng Nai
- Chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực: (1) nhân lực (tuyển dụng, đào tạo), (2) thị trường (thương hiệu, hệ thống phân phối, sản phẩm mới), (3) hậu cần bán hàng (kho bãi và logistic); (4) quản lý (thực hành và đạt chứng nhận ISO)

6. LỢI THẾ CẠNH TRANH TRONG KINH DOANH

Hệ thống phân phối

Hệ thống phân phối sản phẩm của Vinacafé B.H hiện nay phủ rộng trên phạm vi cả nước.

Hệ thống phân phối thông qua các đại lý đang được áp dụng thể hiện tính hiệu quả cao so với các đối thủ cùng ngành xét về mặt chi phí và mức độ tiếp cận đến người tiêu dùng.

Bên cạnh đó, Công ty đang thực hiện phát triển mạnh mạng lưới phân phối thông qua nhà phân phối kết hợp với mạng lưới phân phối hiện có để củng cố và gia tăng thị phần, đặc biệt là đưa sản phẩm đến tận tay người tiêu dùng theo cách hiệu quả nhất.



Thương hiệu

Thương hiệu Vinacafé đã xuất hiện từ rất lâu trên thị trường (1983) nên có kinh nghiệm về mặt kỹ thuật chế biến và am hiểu gu sử dụng cà phê của người tiêu dùng Việt Nam.

Sản phẩm của Vinacafé B.H có thể mạnh cạnh tranh ở tính độc đáo về hương vị, thuần túy từ thiên nhiên, cam kết không sử dụng hóa chất, chất độn và hương nhân tạo.

7. CÁC SẢN PHẨM CHỦ LỰC



Nhóm sản phẩm cà phê rang xay

Sản phẩm này có nhiều chủng loại khác nhau để đáp ứng nhu cầu đa dạng của các vùng, miền. Đặc điểm chung của các sản phẩm loại này là 100% cà phê nguyên chất, không pha tạp chất và không sử dụng hương nhân tạo. Hương vị đậm đà, thuần khiết, sử dụng hài hoà hai chủng loại cà phê Arabica và Robusta đã qua tuyển chọn.



Nhóm sản phẩm cà phê hoà tan

Sản phẩm cà phê hoà tan Vinacafé được sản xuất với quy trình độc đáo có ưu điểm ít chua, phù hợp với gu người tiêu dùng Việt Nam.



Nhóm sản phẩm cà phê hòa tan mix

Đây là sản phẩm chủ lực của Công ty trong nhiều năm qua. Loại cà phê này thực sự khẳng định hương vị vượt trội của cà phê Việt Nam. Loại sản phẩm này liên tục dẫn đầu thị phần cà phê sữa hoà tan 3 trong 1.



Cà phê Sâm, sản phẩm mới của Vinacafé, là loại cà phê 4 trong 1 đầu tiên và duy nhất hiện nay ở Việt Nam. Trên cơ sở cà phê sữa 3 trong 1 nổi tiếng trong và ngoài nước, Vinacafé Biên Hòa đã nghiên cứu thành công việc bổ sung tính chất bổ dưỡng toàn diện của hồng sâm Triều Tiên đồng thời vẫn giữ được hương vị thơm ngon độc đáo của cà phê Việt Nam.

Cà phê sâm 4 trong 1 là sự kết hợp hài hòa giữa hương vị thơm ngon của cà phê Việt Nam và tính chất bổ dưỡng toàn diện của hồng sâm Triều Tiên.



Nhóm sản phẩm Ngũ cốc dinh dưỡng



8. MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG QUẢNG BÁ THƯƠNG HIỆU & XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC



Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng thăm gian hàng Vinacafé BH tại Hội chợ Myanmar tháng 4/2010



Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng cùng các cán bộ cao cấp Myanmar thưởng thức cà phê tại gian hàng Vinacafé B.H



Ly cà phê Vinacafé đoạt Kỷ lục Guinness Thế giới được đưa sang Trung Quốc trưng bày tại CA EXPO 2010



P. Thủ tướng Trương Vĩnh Trọng tới thăm Thương hiệu Quốc gia “Vinacafé” tại Hội chợ triển lãm Quốc tế Trung Quốc – Asean 2010



Tổng Giám đốc Vinacafé BH Phạm Quang Vũ trả lời PV báo đài Trung Quốc về sự phát triển của Vinacafé tại thị trường Trung Quốc



Ô. Phạm Quang Vũ thương thảo với đối tác Trung Quốc



Tổng GD Vinacafé BH ký hợp đồng với GEA Niro A/S – Đan Mạch

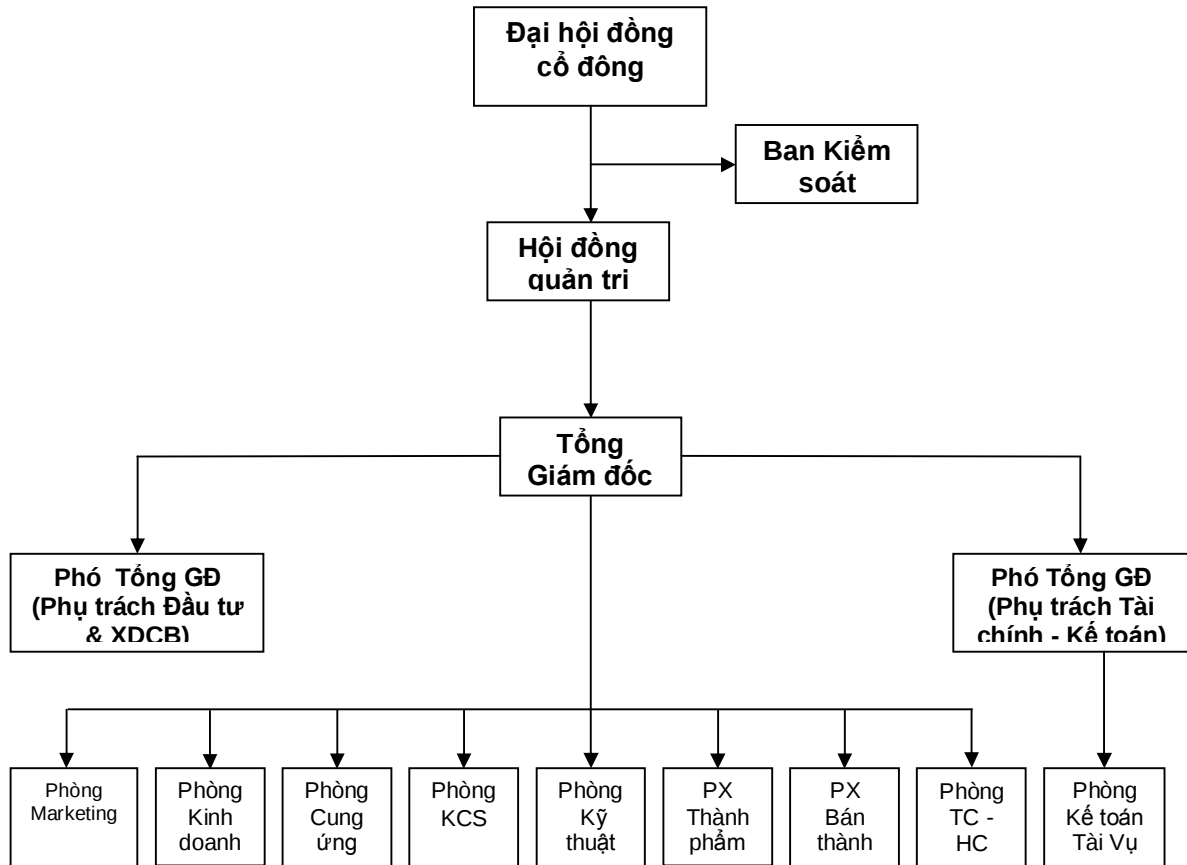


Khởi công xây dựng Nhà máy chế biến cà phê hòa tan 3.200 tấn/năm

Tổng giám đốc
(đã ký)
Phạm Quang Vũ

VI/ TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của Công ty



2. Đội ngũ nhân sự

2.1 Cơ cấu nhân sự

Trình độ	Năm	
	2009	2010
Đại học, Cao đẳng	144	186
Trung cấp	176	168
Lao động phổ thông	165	180
Tổng số	485	534
Thu nhập bình quân (triệu/người/tháng)	6,6	7,5

Do đặc thù hoạt động của Công ty, ngoài lực lượng lao động được ký hợp đồng trực tiếp như trên, Công ty cũng thực hiện ký hợp đồng gián tiếp với 326 nhân viên tại đại lý, nhà phân phối làm việc theo thời vụ.

Trong năm 2010, lực lượng lao động của Công ty tăng lên do nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty. Chất lượng lao động tuyển dụng năm qua được cải thiện để đáp ứng nhu cầu phát triển theo chiều sâu của Công ty trong những năm tới.

2.2 Chính sách đối với người lao động

Những năm qua, Công ty không những đã chú trọng đến các chế độ đãi ngộ đối với nhân viên mà còn quan tâm sát sao đến việc tạo ra môi trường làm việc tiên tiến, khoa học, hấp dẫn đối với người lao động.

Vinacafé B.H đã ban hành nhiều chính sách lương, thưởng với mục tiêu thu hút và giữ được nguồn nhân lực có chất lượng cao, với phương châm là ghi nhận và khuyến khích sự cống hiến của đội ngũ cán bộ công nhân viên.

Công ty đã duy trì mức thu nhập ổn định cho người lao động trong những năm qua và cam kết trả thu nhập dựa vào theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm tới nhằm mang lại quyền lợi cho đội ngũ lao động.

Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện đầy đủ các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, chế độ bảo hiểm tai nạn 24/24, tổ chức khám sức khỏe định kỳ và các chính sách đãi ngộ khác được Công ty thực hiện thường xuyên.

Người lao động được nghỉ phép 12 ngày/năm. Cứ làm việc 05 năm sẽ được thêm 01 ngày phép. Người lao động được nghỉ 09 ngày lễ, tết theo quy định của Bộ luật lao động.

3. Hội đồng quản trị :

Nhiệm kỳ I (từ ngày 01/01/2005 đến ngày 05/05/2010) gồm 07 thành viên:

- | | |
|--------------------------|--------------------------------|
| 1) Ông Đỗ Văn Nam | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| 2) Ông Bùi Xuân Thoa | Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| 3) Ông Lê Quang Chính | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| 4) Ông Phạm Quang Vũ | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| 5) Ông Lê Hùng Dũng | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| 6) Ông Nguyễn Đăng Quang | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| 7) Bà Thái Việt Nga | Thành viên Hội đồng Quản trị |

Nhiệm kỳ II (từ ngày 05/5/2010 đến nay) Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 đã bầu lại Hội đồng Quản trị mới, gồm 07 thành viên:

- | | |
|--------------------------|--------------------------------|
| 1) Ông Đỗ Văn Nam | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| 2) Ông Phạm Quang Vũ | Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| 3) Ông Bùi Xuân Thoa | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| 4) Ông Lê Quang Chính | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| 5) Ông Lê Hùng Dũng | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| 6) Ông Tô Hải | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| 7) Ông Nguyễn Công Trung | Thành viên Hội đồng Quản trị |

Ông ĐỖ VĂN NAM - Chủ tịch HĐQT

Ngày bổ nhiệm 01/01/2005

Ông Đỗ Văn Nam đã từng làm việc lâu năm trong ngành thực phẩm, giữ nhiều chức vụ tại Tổng Công ty Xuất Nhập khẩu Rau quả.

Ông Nam hiện nay là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hoà, đồng thời là Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cà phê Việt Nam.

Ông Đỗ Văn Nam tốt nghiệp Đại Học Ngoại Thương Hà Nội năm 1978, từng có thời gian làm nghiên cứu sinh tại Nhật Bản và ông cũng là Đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Ông BÙI XUÂN THOA - Phó Chủ tịch HĐQT

Ngày bổ nhiệm 01/01/2005 thôi giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ ngày 05/05/2010. Thành viên HĐQT, ngày bổ nhiệm 15/05/2010

Ông Thoa là một trong số những người làm việc lâu năm trong ngành sản xuất thức uống như sữa và cà phê tại Việt Nam. Ông đã từng làm việc tại Nhà máy Sữa Trường Thọ Thủ Đức - Tp. HCM.

Ông Thoa bắt đầu công tác tại Vinacafé Biên Hòa từ năm 1983, sau nhiều năm làm việc trong ngành sản xuất cà phê. Ông từng giữ chức Tổng Giám đốc tại Nhà máy Cà phê Biên Hòa nhiều năm và được biết đến là người đã góp công rất lớn vào việc xây dựng nên hình ảnh và thương hiệu của Vinacafé trên thị trường Việt Nam cũng như Quốc tế.

Ông Thoa là Kỹ sư ngành Tự động hoá, tốt nghiệp tại Nga.

Ông PHẠM QUANG VŨ - Thành viên HĐQT

Ngày bổ nhiệm 01/01/2005. Phó Chủ tịch HĐQT, ngày bổ nhiệm 15/05/2010

Ông Vũ có nhiều năm làm việc trong ngành sản xuất thức uống. Ông từng giữ chức vụ Trưởng phòng kinh doanh tại Nhà máy Cà phê Biên Hòa, chịu trách nhiệm quản lý tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh. Hiện nay, ông giữ chức vụ Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa.

Ông Vũ tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Kinh tế.

Ông LÊ QUANG CHÍNH - Thành viên HĐQT

Ngày bổ nhiệm 01/01/2005

Ông Chính đã có nhiều năm làm việc trong lĩnh vực tài chính, kế toán. Ông từng giữ chức kế toán trưởng tại Nhà máy Cà phê Biên Hòa.

Hiện nay, ông Chính giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa, kiêm phó Ban quản lý dự án Xây dựng Nhà máy cà phê hòa tan công suất 3.200 tấn/năm tại Long Thành của Vinacafé Biên Hòa

Ông Chính tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Tài chính Kế toán.

Ông LÊ HÙNG DŨNG - Thành viên HĐQT

Ngày bổ nhiệm 01/01/2005

Ông Lê Hùng Dũng có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán.

Ông Dũng hiện là Phó Tổng Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa, chịu trách nhiệm tổ chức công tác Tài chính Kế toán tại Công ty.

Ông Dũng tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Tài chính Kế toán, cử nhân Luật.

Bà THÁI VIỆT NGA - Thành viên HĐQT

Ngày bổ nhiệm 01/01/2005 thôi giữ chức TV. HĐQT từ ngày 05/05/2010

Bà Nga có nhiều năm làm việc trong ngành sản xuất, chế biến cà phê. Bà từng làm việc tại Tổng Công ty Cà phê Việt Nam. Hiện nay, Bà Nga giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Cung ứng, chịu trách nhiệm tổ chức việc cung ứng vật tư, sản phẩm tại Vinacafé Biên Hòa.

Bà Nga tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành kinh tế.

Ông NGUYỄN ĐĂNG QUANG - Thành viên HĐQT

Ngày bổ nhiệm 01/01/2005 thôi giữ chức TV. HĐQT từ ngày 05/05/2010

Ông Nguyễn Đăng Quang hiện nay là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, đồng thời giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT của nhiều công ty khác hoạt động trong nhiều lĩnh vực như thực phẩm, tài chính ngân hàng...

Ông Quang là một trong số những thương nhân thành công và có uy tín trên thương trường tại Việt Nam. Ông am hiểu về môi trường kinh doanh tại Việt Nam, đặc biệt là lĩnh vực sản xuất và chế biến thực phẩm.

Ông Quang có học vị Tiến sĩ Vật lý và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA)

Ông NGUYỄN CÔNG TRUNG - Thành viên HĐQT

Ngày bổ nhiệm 15/05/2010

Ông Trung có nhiều kiến thức am hiểu về pháp luật, luật kinh tế. Hiện nay, ông Trung giữ chức Phó trưởng Ban Tổ chức – Cán bộ Thanh tra Tổng công ty Cà phê Việt Nam. Ông có trách nhiệm theo dõi các vấn đề pháp chế, khiếu kiện trong và ngoài nước của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa.

Ông Trung tốt nghiệp Cử nhân Luật, Cử nhân Hành chính học.

Ông TÔ HẢI - Thành viên HĐQT

Ngày bổ nhiệm 15/05/2010

Ông Tô Hải hiện nay là Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt, đồng thời giữ chức vụ thành viên HĐQT của nhiều công ty khác hoạt động trong nhiều lĩnh vực như Đầu tư Chứng khoán, vận chuyển, sản xuất vật liệu xây dựng, Tài chính ngân hàng...

Ông có trách nhiệm quan hệ đối ngoại với các Cổ đông bên ngoài ; theo dõi việc hoạch định và thực hiện chiến lược cho Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa.

Ông Hải là một trong số những thương nhân thành công và có uy tín trên thương trường tại Việt Nam. Ông am hiểu về môi trường kinh doanh tại Việt Nam, đặc biệt là lĩnh vực đầu tư tài chính.

Ông Hải có học vị Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính ngân hàng.

4. Ban Giám đốc

Ông BÙI XUÂN THOA Tổng Giám đốc Ngày bổ nhiệm 01/01/2005 đến 30/06/2010 thôi giữ chức Tổng Giám đốc	Ông Thoa là một trong số những người làm việc lâu năm trong ngành sản xuất thức uống như sữa và cà phê tại Việt Nam. Ông đã từng làm việc tại Nhà máy Sữa Trường Thọ Thủ Đức, Tp. HCM, chịu trách nhiệm quản lý công tác sản xuất tại nhà máy. Ông Thoa bắt đầu công tác tại Vinacafé Biên Hòa từ năm 1983, sau nhiều năm làm việc trong ngành sản xuất cà phê. Ông từng giữ chức Tổng Giám đốc tại Nhà máy Cà phê Biên Hòa nhiều năm và được biết đến là người đã góp công rất lớn vào việc xây dựng nên hình ảnh và thương hiệu của Vinacafé trên thị trường Việt Nam cũng như Quốc tế. Ông Thoa là Kỹ sư ngành Tự động hoá, tốt nghiệp tại Nga.
Ông PHẠM QUANG VŨ Phó Tổng Giám Đốc Ngày bổ nhiệm 01/01/2005 đến ngày 30/06/2010 thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám Đốc Ngày bổ nhiệm 01/07/2010	Ông Vũ có nhiều năm làm việc trong ngành sản xuất thức uống. Ông từng giữ chức vụ Trưởng phòng kinh doanh tại Nhà máy Cà phê Biên Hòa, chịu trách nhiệm quản lý tổ chức hoạt động kinh doanh. Hiện nay, ông giữ chức vụ Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa. Ông Vũ tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Kinh tế.
Ông LÊ QUANG CHÍNH Phó Tổng giám đốc Tài chính Ngày bổ nhiệm 01/01/2005 đến ngày 30/06/2010 thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc Tài chính Phó Tổng giám đốc Đầu tư Xây dựng cơ bản và Dự án Ngày bổ nhiệm 01/07/2010	Ông Chính đã có nhiều năm làm việc trong lĩnh vực tài chính, kế toán. Ông từng giữ chức kế toán trưởng tại Nhà máy Cà phê Biên Hòa. Hiện nay, ông Chính giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Đầu tư Xây dựng cơ bản và Dự án Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hoà, kiêm phó Ban quản lý dự án Xây dựng Nhà máy cà phê hoà tan công suất 3.200 tấn/năm tại Long Thành của Vinacafé Biên Hòa.

Ông LÊ HÙNG DŨNG Kế toán trưởng Ngày bổ nhiệm 01/01/2005 Phó Tổng Giám Đốc Tài chính kiêm Kế toán Trưởng Ngày bổ nhiệm 01/07/2010	Ông Lê Hùng Dũng có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính kế toán. Ông Dũng hiện nay là Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hoà, chịu trách nhiệm tổ chức công tác Tài chính Kế toán tại Công ty. Ông Dũng tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Tài chính Kế toán, cử nhân Luật.
--	--

Trong năm 2010, Ban điều hành cũng thay đổi như sau:

*** Từ ngày 01/01/2005 đến ngày 30/06/2010 bao gồm 04 thành viên:**

- | | |
|-----------------------|------------------------------|
| 1) Ông Bùi Xuân Thoa | Tổng Giám đốc |
| 2) Ông Lê Quang Chính | Phó Tổng giám đốc Tài chính |
| 3) Ông Phạm Quang Vũ | Phó Tổng giám đốc Kinh doanh |
| 4) Ông Lê Hùng Dũng | Kế toán trưởng |

*** Từ ngày 01/07/2010 bao gồm 03 thành viên như sau:**

- | | |
|-----------------------|--|
| 1) Ông Phạm Quang Vũ | Tổng Giám đốc |
| 2) Ông Lê Quang Chính | P. Tổng GD Đầu tư Xây dựng cơ bản và Dự án |
| 3) Ông Lê Hùng Dũng | Phó Tổng GD Tài chính kiêm Kế toán trưởng |

5. Ban Kiểm soát

Ông NGUYỄN NGỌC TUẤN Trưởng Ban kiểm soát Ngày bổ nhiệm 01/01/2005	Ông Tuấn có nhiều năm làm việc trong lĩnh vực sản xuất và chế biến cà phê. Ông hiện giữ chức vụ Trưởng Ca dây chuyền sản xuất cà phê hòa tan phân xưởng bán thành phẩm, chịu trách nhiệm điều hành sản xuất của phân xưởng. Ông Nguyễn Ngọc Tuấn tốt nghiệp Kỹ sư chuyên ngành Chế tạo máy.
Ông ĐỖ XUÂN HẬU Thành viên Ban kiểm soát Ngày bổ nhiệm 01/01/2005	Ông Hậu có kinh nghiệm làm việc nhiều năm trong ngành chế biến thực phẩm. Ông cũng đã từng chịu trách nhiệm thực hiện công tác Kế toán tài chính. Hiện nay, Ông giữ chức vụ Phó Ban Tài chính Kế toán Tổng Công ty Cà phê Việt Nam, phụ trách công tác quản lý tổ chức hoạt động Kế toán tài chính tại Tổng Công ty.
Ông PHẠM XUÂN RẠNG Thành viên Ban kiểm soát Ngày bổ nhiệm 01/01/2005 Từ ngày 05/05/2010 thôi giữ chức TV.BKS	Ông Rạng từng giữ chức vụ Kế toán tổng hợp tại nhiều công ty. Ông là người có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý tổ chức công tác Kế toán Tài chính. Hiện nay, ông Rạng đang giữ chức vụ Trưởng Ban Tài chính – Kế toán trưởng tại Tổng Công ty Cà phê VN.
Bà NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG Thành viên Ban kiểm soát Ngày bổ nhiệm 05/05/2010	Bà Giang tốt nghiệp Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Kinh tế & Kế toán, Đại học California, Los Angeles; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Đại học Hawaii. Bà từng là Chuyên viên tài chính, công ty LRA Property Mangement, USA Hiện nay, bà Giang đang giữ chức vụ Trưởng phòng Đầu tư, Công ty VinaCapital Corporate Finance. Ltd; Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Cầu Tre; Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao.

Nhiệm kỳ I (từ ngày 01/01/2005 đến ngày 05/05/2010) bao gồm 03 thành viên:

- | | |
|-------------------------|------------|
| 1) Ông Nguyễn Ngọc Tuấn | Trưởng BKS |
| 2) Ông Đỗ Xuân Hậu | TV.BKS |
| 3) Ông Phạm Xuân Rạng | TV.BKS |

Nhiệm kỳ II (từ ngày 05/05/2010 đến nay) trong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 đã bầu lại Ban kiểm soát mới, bao gồm 03 thành viên như sau :

- | | |
|------------------------------|------------|
| 1) Ông Nguyễn Ngọc Tuấn | Trưởng BKS |
| 2) Ông Đỗ Xuân Hậu | TV.BKS |
| 3) Bà Nguyễn Thị Hương Giang | TV.BKS |

VII/ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hoạt động của Ban Kiểm soát

- ❖ Tham gia một số cuộc họp của Hội đồng quản trị;
- ❖ Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Tổ Chức và Hoạt động của Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty;
- ❖ Xem xét báo cáo tài chính các quý và năm nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính;
- ❖ Xem xét tình hình thực hiện các dự án đầu tư;
- ❖ Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty;
- ❖ Cập nhật tình hình và tiến độ thực hiện công tác đầu tư, xây dựng nhà máy sản xuất cà phê hòa tan với công suất 3.200 tấn/năm tại Long Thành;
- ❖ Yêu cầu Ban quản lý dự án lập báo cáo về tình hình thực hiện dự án đệ trình đến Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát thường xuyên phối hợp với Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình. Ban kiểm soát cũng thảo luận, kiến nghị với Ban Tổng Giám đốc về việc tuân thủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ, quy

định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành trong công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Công tác quản trị trong năm qua đã được HĐQT thực hiện một cách thận trọng, theo sát tình hình thực tế tại Công ty. Trên cơ sở những nhiệm vụ do ĐHĐCĐ giao phó, HĐQT đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện thành công và hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh. HĐQT đã có những quyết định kịp thời góp phần mang lại nhiều lợi ích cho Công ty.

Đặc biệt, trong năm 2010 HĐQT đã tổ chức họp chính thức chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thúc đẩy việc đầu tư nhà máy sản xuất cà phê hoà tan 3.200 tấn/năm tại Long Thành, Đồng Nai. Đây là dự án mang tính chiến lược của Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất nhằm đảm bảo mục tiêu tăng trưởng và phát triển của Công ty trong tương lai.

Bên cạnh đó, HĐQT Công ty đã ban hành nhiều văn bản để quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm vừa qua. Thủ tục và nội dung ban hành các văn bản của HĐQT là phù hợp với thẩm quyền và tuân thủ quy định theo Điều lệ công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và pháp luật hiện hành.

HĐQT đã đề ra các chương trình hành động cụ thể và thường xuyên theo dõi các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, phối hợp với Ban kiểm soát Công ty kiểm tra các về các vấn đề:

- ❖ Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất và kinh doanh của ĐHĐCĐ và HĐQT đề ra;
- ❖ Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, các quyết định HĐQT đã ban hành;
- ❖ Kiểm tra tình hình chấp hành và tuân thủ các quy định của các cơ quan chức năng của Nhà nước, các quy định hoạt động của Công ty.

Các cuộc họp và tham gia họp của HĐQT trong năm 2010 :

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
01	Ông Đỗ Văn Nam	CT. HĐQT	12/12	100%	
02	Ông Phạm Quang Vũ	PCT. HĐQT	12/12	100%	
03	Ông Lê Quang Chính	TV. HĐQT	12/12	100%	

04	Ông Lê Hùng Dũng	TV. HĐQT	11/12	91,6%	Công tác nước ngoài
05	Ông Bùi Xuân Thoa	TV. HĐQT	10/12	83,3%	
06	Ông Nguyễn Đăng Quang	TV. HĐQT	00/04	0%	Công tác nước ngoài
07	Bà Thái Việt Nga	TV. HĐQT	04/04	100%	
08	Ông Tô Hải	TV. HĐQT	06/08	75%	
09	Ông Nguyễn Công Trung	TV. HĐQT	07/08	87,5%	

Ghi chú: Trên đây là các cuộc họp HĐQT cho năm tài chính 2010, ĐHĐCĐ thường niên tổ chức năm 2010 đã bầu lại HĐQT thay thế cho ông Nguyễn Đăng Quang và bà Thái Việt Nga nên 2 thành viên này chỉ tham gia 04 cuộc họp.

Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương, thưởng của Ban điều hành .

a. Thù lao của Hội đồng Quản trị (9 thành viên) : 5.617.650.000 đồng, bao gồm thù lao cố định và thù lao thưởng HĐQT:

1) Ông Đỗ Văn Nam	Chủ tịch HĐQT	921.000.000 đồng
2) Ông Bùi Xuân Thoa	Phó CT.HĐQT	838.590.000 đồng
3) Ông Phạm Quang Vũ	TV.HĐQT	801.380.000 đồng
4) Ông Lê Quang Chính	TV.HĐQT	764.170.000 đồng
5) Ông Lê Hùng Dũng	TV.HĐQT	764.170.000 đồng
6) Ông Nguyễn Đăng Quang *	TV.HĐQT	252.060.000 đồng
7) Bà Thái Việt Nga *	TV.HĐQT	252.060.000 đồng
8) Ông Tô Hải **	TV.HĐQT	512.110.000 đồng
9) Ông Nguyễn Công Trung **	TV.HĐQT	512.110.000 đồng

Ghi chú: ĐHĐCĐ thường niên tháng 05 năm 2010 đã bầu mới 7 thành viên HĐQT trong đó có 2 thành viên (**) mới thay thế cho 2 thành viên (*) nên có 9 thành viên

b. Thù lao của Ban kiểm soát (4 thành viên) : 76.000.000 đồng bao gồm :

1.Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng BKS	32.000.000 đồng
2.Ông Đỗ Xuân Hậu	TV.BKS	22.000.000 đồng
3.Ông Phạm Xuân Rạng *	TV.BKS	6.000.000 đồng

4. Bà Nguyễn Thị Hương Giang ** TV.BKS 16.000.000 đồng

Ghi chú: ĐHĐCĐ thường niên tháng 5 năm 2010 đã bầu lại 03 thành viên Ban KS, trong đó có bà Nguyễn Thị Hương Giang thay thế ông Phạm Xuân Rạng.

c. Tiền lương, thưởng của Ban Điều hành (4 thành viên) 2.883.498.097 đồng bao gồm:

1) Ông Bùi Xuân Thoa	Tổng Giám đốc	763.887.979 đ
2) Ông Phạm Quang Vũ	Tổng Giám đốc	809.773.597 đ
3) Ông Lê Quang Chính	Phó TGDĐ Đầu tư & XDCB	677.090.440 đ
4) Ông Lê Hùng Dũng	Phó TGDĐ TC kiêm KT trưởng	632.746.081 đ

Ghi chú : ông Bùi Xuân Thoa thôi giữ chức Tổng Giám Đốc từ tháng 7 năm 2010.

Quyền lợi của Ban Giám đốc :

Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa áp dụng chính sách lương, thưởng, phụ cấp cạnh tranh dành cho Ban giám đốc công ty. Ngoài việc nhận được mức lương cố định hàng tháng, thành viên Ban Giám đốc còn nhận được các khoản thưởng khác như thưởng Ban điều hành (500.000.000 đồng), thưởng tháng lương 13 cùng nhiều chế độ phúc lợi khác như xe đưa đón Tổng giám đốc, chế độ chăm sóc sức khỏe đặc biệt...

VIII/ THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 31/12/2010:

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Tổng số	26.373.963	99,23	205.172	0,77	26.579.135	100,00
1. Cổ đông nội bộ	14.166.425	53,30	-	-	14.166.425	53,30
1.1 HĐQT/ BTGDĐ	13.968.070	52,55			7.448.790	52,55
1.2 Ban kiểm soát	10.855	0,04			10.855	0,04
1.3 Kế toán trưởng	187.500	0,33			187.500	0,33
2. Cổ đông trong công ty	1.869.482	7,03	-	-	1.869.482	7,03

2.1 Cổ phiếu quỹ					-	
2.2 Cán bộ CNV	1.869.482	7,03			1.869.482	7,03
3. CD ngoài C. ty	10.338.056	38,90	205.172	0,77	10.543.228	39,66
3.1 Cá nhân	5.809.855	21,86	118.492	0,44	5.928.347	22,30
3.2 Tổ chức	4.528.201	17,04	86.680	0,33	4.614.881	17,36

Danh sách cổ đông lớn tại ngày 31/12/2010

TT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần hiện tại	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Cà phê Việt Nam	13.359.375	50,26
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta	2.295.073	8,64
3	Trần Quang Lộc	2.047.800	7,70
	TỔNG CỘNG	17.702.248	66,60

IX/ HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

Vinacafé Biên Hòa là doanh nghiệp luôn nhiệt tình tham gia vào các chương trình từ thiện, hưởng ứng và đồng hành cùng các chương trình mang đậm tính văn hóa, xã hội và là doanh nghiệp hàng đầu của tỉnh Đồng Nai tích cực trong những hoạt động này.



*Đợt công tác xã hội của Vinacafé BH
tại huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tháng 4 năm 2010*



Ủng hộ đồng bào Hà Tĩnh gặp thiên tai lũ lụt tháng 10 năm 2010



Tặng học bổng và quà cho các em học sinh tiểu học

X/ BÁO CÁO TÀI CHÍNH



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet kpmg.com.vn

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các cổ đông
Công ty Cổ phần VinaCafe Biên Hòa

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần VinaCafe Biên Hòa (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 16 tháng 3 năm 2011. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần VinaCafe Biên Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345
Báo cáo kiểm toán số: 10-01-308



Chong Kwang Puay
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2011

Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2010

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		676.789.392.720	441.877.412.250
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	) □	361.737.630.582	235.091.325.946
Tiền	111		29.831.631.582	16.937.974.094
Các khoản tương đương tiền	112		331.905.999.000	218.153.351.852
Các khoản phải thu	130		111.856.660.312	94.129.184.903
Phải thu khách hàng	131		109.411.361.185	91.918.066.470
Trả trước cho người bán	132		1.675.053.938	1.842.719.385
Cc khoản phải thu khác	135		770.245.189	368.399.048
Hàng tồn kho	140	4	196.734.374.602	105.614.266.351
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.460.727.224	7.042.635.050
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	505.662.781
Thuê giá trị gia tăng được khấu trừ	152		972.837.485	84.085.073
Tài sản ngắn hạn khác	158		5.487.889.739	6.452.887.196
Tài sản dài hạn	200		52.437.859.656	50.075.130.105
Tài sản cố định	220		52.437.859.656	50.075.130.105
Tài sản cố định hữu hình	221	4	32.933.638.322	30.872.602.271
<i>Nguyên giá</i>	222		164.509.549.887	154.432.812.492
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(131.575.911.565)	(123.560.210.221)
Tài sản cố định vô hình	227	6	17.319.885.750	17.319.885.750
<i>Nguyên giá</i>	228		17.319.885.750	17.319.885.750
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	230	7	2.184.335.584	1.882.642.084
TỔNG TÀI SẢN	270		729.227.252.376	491.952.542.355

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		150.064.483.877	44,601,202,508
Nợ ngắn hạn	310		125.965.089.067	28,801,247,104
Vay ngắn hạn	311	8	16.231.785.636	-
Phải trả người bán	312		78.485.299.526	8.516.038.731
Người mua trả tiền trước	313		1.884.574.666	29.864.105
Thuê phải nộp Nhà nước	314	9	15.817.616.514	13.065.620.797
Phải trả nhân viên	315		2.843.817.088	6.198.068.346
Cc khoản phải trả, phải nộp khác	319	10	1.654.091.709	991.655.125
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	11	9.047.903.928	-
Nợ dài hạn	330		24.099.394.810	15.799.955.404
Phải trả dài hạn khác	333	12	22.693.992.000	14.677.992.000
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	13	1.405.402.810	1.121.963.404
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		579.162.768.499	447.351.339.847
Vốn chủ sở hữu	410		579.162.768.499	441.858.748.650
Vốn cổ phần	411	14	265.791.350.000	141.757.100.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	14	29.974.241.968	68.094.331.990
Quỹ đầu tư và phát triển	417	15	109.589.907.931	99.263.157.709
Quỹ dự phòng tài chính	418	15	22.736.393.873	15.936.132.106
Lợi nhuận chưa phân phối	420		151.070.874.727	116.808.026.845
Nguồn kinh phí sự nghiệp và các quỹ khác	430		-	5,492,591,197
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		-	5,492,591,197
TỔNG NGUỒN VỐN	440		729.227.252.376	491.952.542.355

Người lập:

(đã ký)

Lê Hùng Dũng
Kế toán trưởng

Người duyệt:

(đã ký)

Phạm Quang Vũ
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2011

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31/12/2010

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Tổng doanh thu	01	16	1.301.911.877.370	1.021.419.145.722
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	16	(247.574.668)	(725.400.674)
Doanh thu thuần	10		1.301.664.302.702	1.020.693.745.048
Giá vốn hàng bán	11		(1.028.845.343.605)	(769.264.519.884)
Lợi nhuận gộp	20		272.818.959.097	251.429.225.164
Doanh thu tài chính	21	17	27.822.976.015	13.677.839.649
Chi phí tài chính	22	18	(11.618.394.063)	(12.743.456.458)
Chi phí bán hàng	24		(95.916.642.096)	(96.106.710.605)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(28.966.437.663)	(19.614.836.303)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		164.140.461.290	136.642.061.447
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	19	14.207.269.108	10.539.917.717
Chi phí khác	32		(87.509.934)	(149.292.304)
Lợi nhuận trước thuế	50		178.260.220.464	147.032.686.860
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	Error ! Reference source not found.	(16.698.886.015)	(11.027.451.515)
Lợi nhuận thuần	60		161.561.334.449	136.005.235.345
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	6.079	5.117

Người lập:

(đã ký)

Lê Hùng Dũng
Kế toán trưởng

Người duyệt:

(đã ký)

Phạm Quang Vũ
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2011

Công ty Cổ phần VinaCafe Biên Hòa
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng vốn chủ sở hữu VND	Quỹ khen thưởng và phúc lợi VND	Tổng VND
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009	141.757.100.000	68.094.331.990	83.490.858.554	15.936.132.106	17.611.969.978	326.890.392.628	15.157.914.659	342.048.307.287
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	136.005.235.345	136.005.235.345	-	136.005.235.345
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(19.137.208.500)	(19.137.208.500)	-	(19.137.208.500)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(1.350.000.000)	(1.350.000.000)	-	(1.350.000.000)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	15.772.299.155	-	(15.772.299.155)	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(918.000.000)	(918.000.000)	918.000.000	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	(10.583.323.462)	(10.583.323.462)
Khác	-	-	-	-	368.329.177	368.329.177	-	368.329.177
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2010	141.757.100.000	68.094.331.990	99.263.157.709	15.936.132.106	116.808.026.845	441.858.748.650	5.492.591.197	447.351.339.847
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	161.561.334.449	161.561.334.449	-	161.561.334.449
Cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 22)	35.438.060.000	-	-	-	(35.438.060.000)	-	-	-
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(2.605.000)	(2.605.000)	-	(2.605.000)
Cổ tức tam ứng (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(10.631.709.600)	(10.631.709.600)	-	(10.631.709.600)
Phát hành cổ phiếu thưởng	88.596.190.000	(38.120.090.022)	-	-	(50.476.099.978)	-	-	-
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(2.528.000.000)	(2.528.000.000)	-	(2.528.000.000)
Phân loại lại vào nợ phải trả ngắn hạn	-	-	-	-	-	-	(5.492.591.197)	(5.492.591.197)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(11.095.000.000)	(11.095.000.000)	-	(11.095.000.000)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	25.730.720.200	6.800.261.767	(32.530.981.967)	-	-	-
Sử dụng các quỹ	-	-	(15.403.969.978)	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	265.791.350.000	29.974.241.968	109.589.907.931	22.736.397.873	151.076.874.727	579.162.768.499	-	579.162.768.499

Người lập:

Lê Hùng Dũng
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

Phạm Quang Vũ
 Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31/12/2010

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		178.260.220.464	147.032.686.860
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		8.228.948.078	8.113.814.033
Các khoản dự phòng	03		283.439.406	44.106.613
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(26.535.725.234)	(12.030.315.813)
Chi phí lãi vay	06		2.018.055.461	1.674.639.724
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		162.254.938.175	144.834.931.417
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(17.145.567.583)	(2.948.958.862)
Biến động hàng tồn kho	10		(91.120.108.251)	36.760.782.089
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		77.700.461.745	757.295.821
			131.689.724.086	179.404.050.465
Tiền lãi vay đã trả	13		(2.018.055.461)	(1.674.639.724)
Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(14.499.195.361)	(10.711.210.954)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(10.067.687.269)	(11.504.994.285)
Tiền thuần thu từ các hoạt động kinh doanh	20		105.104.785.995	155.513.205.502
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(10.591.677.629)	(4.228.099.376)
Thu từ lãi tiền gửi	27		26.535.725.234	12.030.315.813
Tiền thuần thu từ các hoạt động đầu tư	30		15.944.047.605	7.802.216.437

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		24.031.785.636	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(7.800.000.000)	(5.347.755.000)
Tiền trả cổ tức	36		(10.634.314.600)	(19.197.208.500)
Tiền thuần thu từ/(chi cho) các hoạt động tài chính	40		5.597.471.036	(24.544.963.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		126.646.304.636	138.770.458.439
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		235.091.325.946	96.320.867.507
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	) □	361.737.630.582	235.091.325.946

Người lập:

Người duyệt:

(đã ký)

(đã ký)

Lê Hùng Dũng
Kế toán trưởng

Phạm Quang Vũ
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2011

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31/12/2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty cổ phần Vinacafé Biên Hòa (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và bán các loại cà phê và ngũ cốc ăn liền cho thị trường nội địa và xuất khẩu.

Cổ phiếu của công ty được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 28 tháng 1 năm 2011.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có 547 nhân viên (31 tháng 12 năm 2009: 485 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý cơ liên quan.

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“VAS 10”) - *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

g) Tài sản cố định hữu hình

❖ Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình tăng trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

❖ Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà xưởng và cấu trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 7 năm
▪ thiết bị văn phòng	6 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 4 năm

h) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

j) Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

m) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

o) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hoá thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) đối với cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm năng nào trong năm.

q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Theo ý kiến Ban giám đốc, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh các sản phẩm từ cà phê và các sản phẩm liên quan khác và bộ phận địa lý duy nhất là Việt Nam.

r) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tiền mặt	1.385.195.850	1.540.232.980
Tiền gửi ngân hàng	28.446.435.732	15.397.741.114
Các khoản tương đương tiền	331.905.999.000	218.153.351.852
	361.737.630.582	235.091.325.946

Trong tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có số tiền khác VNĐ tương đương 5.519.327.742 VNĐ (31 tháng 12 năm 2009: 4.358.436.729 VNĐ).

Trong các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có khoản tương đương tiền 55.000 triệu VNĐ (31 tháng 12 năm 2009: không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

4. Hàng tồn kho

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Nguyên vật liệu	155.884.292.795	92.634.214.002
Công cụ và dụng cụ	5.100.000	234.986.971
Sản phẩm dở dang	6.810.835.500	3.044.678.174
Thành phẩm	34.034.146.307	9.700.387.204
	196.734.374.602	105.614.266.351

5. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng và cấu trúc VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	16.390.281.512	132.185.859.198	2.019.099.849	3.837.571.933	154.432.812.492
Tăng trong năm	1.207.486.364	8.223.164.850	342.356.527	506.057.250	10.279.064.991
Chuyển từ XDCB dở dang	-	10.919.138	-	-	10.919.138
Xóa sổ	-	(85.901.474)	(127.345.260)	-	(213.246.734)
Số dư cuối năm	17.597.767.876	140.334.041.712	2.234.111.116	4.343.629.183	164.509.549.887
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	11.245.162.930	107.559.599.960	1.620.454.997	3.134.992.334	123.560.210.221
Khấu hao trong năm	745.895.378	6.904.171.221	288.655.761	290.225.718	8.228.948.078
Xóa sổ	-	(85.901.474)	(127.345.260)	-	(213.246.734)
Số dư cuối năm	11.991.058.308	114.377.869.707	1.781.765.498	3.425.218.052	131.575.911.565
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	5.145.118.582	24.626.259.238	398.644.852	702.579.599	30.872.602.271
Số dư cuối năm	5.606.709.568	25.956.172.005	452.345.618	918.411.131	32.933.638.322

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có các tài sản có nguyên giá 105.878 triệu VNĐ đ khấu hao hết nhưng vẫn còn đang được sử dụng (31 tháng 12 năm 2009: 98.756 triệu VNĐ).

6. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VNĐ
Nguyên giá và giá trị còn lại	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	17.319.885.750

Quyền sử dụng đất là khoản tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Long Thành để xây dựng nhà máy sản xuất trong thời hạn thuê là 50 năm bắt đầu từ tháng 8 năm 2006.

7. Xây dựng cơ bản dở dang

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Số dư đầu năm	1.882.642.084	1.108.903.184
Tăng trong năm	312.612.638	1.258.264.994
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(10.919.138)	(484.526.094)
Số dư cuối năm	2.184.335.584	1.882.642.084

8. Vay ngắn hạn

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Vay ngắn hạn	16.231.785.636	-

Điều kiện và điều khoản của các khoản vay ngắn hạn chưa thanh toán như sau:

	Tiền tệ	Lãi suất thực tế	Năm đáo hạn	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Khoản vay 1	USD	6,5%	2011	12.151.589.394	-
Khoản vay 2	USD	6,5%	2011	799.877.000	-
Khoản vay 3	USD	6,5%	2011	1.599.754.000	-
Khoản vay 4	USD	6,5%	2011	1.680.565.242	-
				16.231.785.636	-

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng các khoản tương đương tiền với giá trị là 55.000 triệu VNĐ (31 tháng 12 năm 2009: không) (xem thuyết minh 3).

9. Thuế phải nộp Nhà nước

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	3.934.160.241	1.948.612.500
Thuế nhập khẩu	7.498.273.945	8.931.516.623
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.385.182.328	2.185.491.674
	15.817.616.514	13.065.620.797

10. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Kinh phí công đoàn	216.944.654	98.929.041
Phải trả về cổ phần hóa	15.000.000	15.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.422.147.055	877.726.084
	1.654.091.709	991.655.125

11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2010 VNĐ
Số dư đầu năm	-
Phân loại lại từ nguồn kinh phí sự nghiệp	5.492.591.197
Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm	11.095.000.000
Sử dụng trong năm	(7.539.687.269)
Số dư cuối năm	9.047.903.928

Đại hội đồng Cổ đông của Công ty ngày 5 tháng 5 năm 2010 đã quyết định trích quỹ khen thưởng và phúc lợi 11.095.000.000 VNĐ từ lợi nhuận chưa phân phối.

12. Phải trả dài hạn khác

Phải trả dài hạn khác phản ánh các khoản ký quỹ thương mại từ khách hàng. Các khoản ký quỹ này chịu lãi suất tháng là 0,85%.

13. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	Trợ cấp thôi việc VNĐ
Số dư đầu năm	1.121.963.404
Trích lập dự phòng trong năm	283.439.406
Số dư cuối năm	1.405.402.810

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã đóng 188.959.604 VNĐ (2009: 142.919.638 VNĐ) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

14. Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

i. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2010		31/12/2009	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	26.579.135	265.791.350.000	14.175.710	141.757.100.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2010		2009	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Số dư đầu năm	14.175.710	141.757.100.000	14.175.710	141.757.100.000
Cổ tức bằng cổ phiếu	3.543.806	35.438.060.000	-	-
Cổ phiếu thưởng	8.859.619	88.596.190.000	-	-
Số dư cuối năm	26.579.135	265.791.350.000	14.175.710	141.757.100.000

ii. Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản thu được từ thặng dư trên giá trị cổ phiếu đã phát hành trong trước năm 2008. Biến động thặng dư vốn cổ phần trong năm thể hiện nguồn phát hành thêm cổ phiếu thưởng (xem thuyết minh số 22).

15. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

i. Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích đầu tư phát triển kinh doanh trong tương lai.

ii. Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập như dự phòng cho các rủi ro kinh doanh chung trong tương lai của Công ty.

16. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	1.301.911.877.370	1.021.419.145.722
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(390.480)	(1.786.275)
▪ Hàng bán bị trả lại	(247.184.188)	(723.614.399)
Doanh thu thuần	1.301.664.302.702	1.020.693.745.048

17. Doanh thu tài chính

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Thu lãi tiền gửi	26.535.725.234	12.030.315.813
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.154.387.757	1.471.507.178
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	132.863.024	176.016.658
	27.822.976.015	13.677.839.649

18. Chi phí tài chính

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Chi phí lãi vay	2.018.055.461	1.674.639.724
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.299.313.523	10.837.917.736
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	301.025.079	230.898.998
	11.618.394.063	12.743.456.458

19. Thu nhập khác

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Thuế nhập khẩu được hoàn lại	13.248.552.553	10.153.489.728
Khác	958.716.555	386.427.989
	14.207.269.108	10.539.917.717

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện tại	16.350.266.090	11.027.451.515
Dự phòng thiếu trong những năm trước	348.619.925	-
	16.698.886.015	11.027.451.515

b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	178.260.220.464	147.032.686.860
Thuế theo thuế suất của Công ty	26.739.033.070	22.054.903.029
Ảnh hưởng của thuế suất khác áp dụng đối với thu nhập khác	1.699.988.116	-
Chi phí không hợp lý hợp lệ	5.770.353	-
Ưu đãi thuế	(12.094.525.449)	(11.027.451.514)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	348.619.925	-
	16.698.886.015	11.027.451.515

c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong giấy chứng nhận đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế. Tuy nhiên, vì là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước trước năm 2006, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ

năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm 2005) và giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2014). Tất cả các khoản ưu đãi thuế trên không được áp dụng đối với thu nhập khác, thu nhập khác chịu thuế suất 25%.

21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành, được tính như sau:

❖ Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lợi nhuận thuần trong năm thuộc về cổ đông phổ thông	161.561.334.449	136.005.235.345

❖ Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2010	2009
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	14.175.710	14.175.710
Ảnh hưởng của cổ tức bằng cổ phiếu	3.543.806	3.543.806
Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng	8.859.619	8.859.619
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	26.579.135	26.579.135

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm năng.

22. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông của Công ty vào ngày 5 tháng 5 năm 2010 đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng cổ phiếu 35.439.275.000 VNĐ tương đương 3.543.806 cổ phiếu – cứ bốn cổ phiếu thường được hưởng một cổ phiếu tại ngày 25 tháng 6 năm 2010, là ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng cổ tức, và phân cổ phiếu lẻ được hưởng bằng tiền 1.215.000 VNĐ (2009: cổ tức bằng tiền 19.137.208.500 VNĐ tương đương 1.350 VNĐ trên một cổ phiếu).

Đại hội đồng cổ đông của Công ty vào ngày 5 tháng 5 năm 2010 đã quyết định ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định tỷ lệ chia cổ tức tạm ứng cho cổ đông dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2010. Theo đó, tại cuộc họp ngày 15 tháng 7 năm 2010, Hội đồng Quản trị quyết định phân phối cổ tức tạm ứng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 theo tỷ lệ 6% trên tổng vốn cổ phần tại ngày 30 tháng 7 năm 2010, là ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng cổ tức tạm ứng, với số tiền 10.631.709.600 VNĐ (2009: không) tương đương 600 VNĐ trên một cổ phiếu.

Đại hội đồng cổ đông của Công ty vào ngày 5 tháng 5 năm 2010 đã quyết định phát hành cổ phiếu thưởng từ thặng dư vốn cổ phần với số tiền là 38.120.090.022 VNĐ và từ lợi nhuận chưa phân phối với số tiền là 50.477.489.978 VNĐ trên cơ sở cứ hai cổ phiếu thường được hưởng một cổ phiếu thưởng tại ngày 29 tháng 10 năm 2010, là ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng cổ phiếu thưởng. Theo đó tổng số cổ phiếu thưởng trên mệnh giá được phát hành là 8.859.619 cổ phiếu. Phần cổ phiếu lẻ cịn lại được hưởng bằng tiền 1.390.000 VNĐ.

23. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Công ty có mối quan hệ giữa bên liên quan với công ty mẹ, Tổng công ty cà phê Việt Nam và các thành viên hội đồng quản trị và các nhân sự quản lý chủ chốt.

Trong năm có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Công ty mẹ - Tổng công ty cà phê Việt Nam		9.618.750.00
Cổ tức chi bằng tiền	5.343.750.000	0
Cổ tức bằng cổ phiếu	17.812.500.000	-
Cổ phiếu thưởng	44.531.250.000	-

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
Tiền thưởng	2.837.449.097	2.531.404.080
Tiền lương và thù lao	1.955.000.000	1.304.000.000
Cổ tức chi bằng tiền	318.518.800	810.157.500
Cổ tức bằng cổ phiếu	1.061.580.000	-
Cổ phiếu thưởng	2.653.070.000	-

24. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang bao gồm thu nh v thu kho như sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Trong vòng một năm	2.228.116.224	2.241.165.936
Từ hai đến năm năm	5.985.006.912	1.375.087.172
	8.213.123.136	3.616.253.108

25. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	985.249.646.278	701.724.049.489
Chi phí nhân công	58.147.189.856	46.537.857.615
Chi phí khấu hao	8.228.948.078	8.113.814.033
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.575.035.220	43.799.743.401
Chi phí khác	71.084.843.854	72.141.262.517

Ngày 16 tháng 3 năm 2011

Ngôôi lập:
(*đã ký*)
Le Hung Dung
Kế toán trưởng

Ngôôi duyệt:
(*đã ký*)
Phạm Quang Vu
Tổng Giám đốc

Báo cáo thường niên 2010 của Công ty cổ phần Vinacafé Biên Hòa gồm 10 mục, 87 trang, hoàn thành ngày tháng 4 năm 2011.

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Đã ký)
Phạm Quang Vũ